

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, chúng ta đang đ- ợc chứng kiến sự chuyển mình phát triển đi lên của nền kinh tế thế giới, và thực tế đã cho thấy một xu thế khách quan đang diễn ra mang tính chất toàn cầu mà không một quốc gia, không một tập đoàn, không một công ty nào lại không tính đến chiến l- ợc kinh doanh của mình. Đó là xu thế quốc tế hoá nền kinh tế thế giới, một xu thế đem lại sức mạnh về tài chính; tận dụng công nghệ nhằm làm giảm chi phí, nâng cao chất l- ợng sản phẩm cho tất cả những doanh nghiệp tham gia vào guồng máy đó.

Việt Nam cũng không ngừng đổi mới để hoà nhập với nền kinh tế thị tr- ờng thế giới, có nhiều doanh nghiệp đã ra đời và không ngừng lớn mạnh. Nh- ng để có tồn tại và phát triển trong môi tr- ờng cạnh tranh gay gắt của thị tr- ờng các doanh nghiệp cần phải xác định các yếu tố đầu vào sao cho hợp lý, phải quan tâm đến tất cả các khâu trong quá trình sản xuất từ khi bỏ vốn ra đến khi thu hồi vốn về, đảm bảo thu nhập của đơn vị, hoàn thành nghĩa vụ với nhà n- ớc, cải tiến đời sống cho cán bộ công nhân viên và thực hiện tái sản xuất mở rộng. Các doanh nghiệp cần phải hoàn thiện các b- ớc thật cẩn thận và nhanh chóng sao cho kết quả đầu ra là cao nhất, với giá cả và chất l- ợng sản phẩm có sức hút đối với ng- ời tiêu dùng.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, yếu tố cơ bản để đảm bảo cho quá trình sản xuất đ- ợc tiến hành bình th- ờng liên tục, đó là nguyên vật liệu, yếu tố đầu vào, cơ sở tạo nên hình thái vật chất của sản phẩm.

Vì vậy vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là phải hạch toán và quản lý đầy đủ chính xác nguyên vật liệu, phải đảm bảo cả ba yếu tố của công tác hạch toán là: chính xác, kịp thời, toàn diện.

Trong sản xuất kinh doanh, chính sách giá cả chính là yếu tố để đứng vững và chiến thắng trong sự cạnh tranh của cơ chế thị tr- ờng. Mặt khác, chỉ cần một sự biến động nhỏ về chi phí nguyên vật liệu cũng có ảnh h- ưởng tới giá thành. Việc hạch toán đầy đủ chính xác có tác dụng quan trọng đến việc hạch toán đầy đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Để tăng c- ờng hạch toán kế toán đồng thời góp phần làm giảm sự

lãng phí vật t- . Vì vậy cần phải quản lý vật t- chặt chẽ, không có sự thất thoát lãng phí nhằm giảm giá thành sản phẩm và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Bao Bì Bia - R- ọu - N- ớc giải khát là một doanh nghiệp chuyên sản xuất nút khoén và kinh doanh dịch vụ sản phẩm rượu, bia, nước giải khát. . . Từ khi thành lập đến nay khâu chọn vật liệu và đặc biệt công tác hạch toán tại Công ty đòi hỏi phải chính xác và kịp thời để cung cấp thông tin cho ban lãnh đạo Công ty.

Sau một thời gian thực tập tại phòng kế toán của Công ty cổ phần Bao Bì Bia - R- ọu - N- ớc giải khát, em nhận thấy kế toán nguyên vật liệu tại Công ty giữ một vai trò quan trọng và có nhiều vấn đề cần quan tâm. Do đó, trên cơ sở ph- ơng pháp luận đã học và qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty, cùng sự giúp đỡ tận tình của các cô trong phòng kế toán và ban lãnh đạo Công ty, đồng thời là sự h- ớng dẫn chu đáo của Cô giáo: Thạc sỹ L- ợng Khánh Chi, em đã quyết định chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp: ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bao Bì Bia - R- ọu - N- ớc giải khát (BALPAC)”***.

Kết cấu khóa luận tốt nghiệp: Gồm 3 ch- ơng:

Ch[ơng 1: Lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Ch[ơng 2: Tình hình tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần Bao Bì Bia - R- ọu - N- ớc giải khát.

Ch[ơng 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty cổ phần Bao Bì Bia - R- ọu - N- ớc giải khát.

Vì thời gian và khả năng có hạn, nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi sai sót. Em rất mong đ- ợc sự giúp đỡ, góp ý, bổ xung của các thầy cô giáo để bài khóa luận của em thêm phong phú về lý luận và thiết thực với thực tế.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Sinh viên

Nguyễn Hồng Ly

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

1.1 Một số vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu.

1.1.1 Khái niệm nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia một cách thường xuyên, trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm nên ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm sản xuất ra.

1.1.2 Phân loại nguyên vật liệu.

- **Phân loại theo công dụng:** nguyên vật liệu được chia thành:

- *Vật liệu chính:* Là nguyên vật liệu trực tiếp tham gia quá trình sản xuất sản phẩm & cấu thành nên thực thể của sản phẩm.

- *Vật liệu phụ:* Là các loại được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để bổ sung hoặc làm tăng tác dụng của sản phẩm.

- *Phụ tùng thay thế:* Là các loại vật liệu được sử dụng để sửa chữa, thay thế hay bảo dưỡng tài sản cố định.

- *Các loại vật liệu khác:* Gồm các loại vật liệu không thuộc các loại vật liệu kể trên như phế liệu thu hồi khi thanh lý tài sản cố định hoặc bao bì đóng gói.

- **Phân loại theo nguồn hình thành:** nguyên vật liệu được chia thành:

- *Nguyên vật liệu mua ngoài.*

- *Nguyên vật liệu tự chế biến.*

- *Nguyên vật liệu tự thuê ngoài gia công chế biến.*

- *Nguyên vật liệu do nhà nước cấp hay nhận góp vốn liên doanh.*

1.1.3 Tính giá nguyên vật liệu.

Để hạch toán nguyên vật liệu nói riêng và hàng tồn kho nói chung, kế toán có thể áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ. Việc áp dụng phương pháp nào phải tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ kế toán ở từng doanh nghiệp.

(Hàng tồn kho là những tài sản được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường hoặc đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang, và là nguyên

liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Gồm các Tài khoản thuộc nhóm 15... trừ 159)

1.1.3.1. Xác định giá trị nguyên vật liệu nhập kho.

- Nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài:

$$\begin{array}{cccccc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Giá mua} & & \text{Thuế} & & \text{Các} & & \text{Hao hụt} \\ \text{vật liệu} & & \text{ghi trên} & & \text{nhập khẩu} & & \text{khoản} & & \text{trong định} \\ \text{nhập kho} & = & \text{hóa đơn} & + & \text{(nếu có)} & - & \text{giảm trừ} & - & \text{mức} \\ & & & + & & & & & \end{array}$$

- Nguyên vật liệu nhập kho do tự chế biến:

$$\begin{array}{ccc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Tổng giá thành} \\ \text{vật liệu nhập kho} & = & \text{vật liệu sản xuất} \\ & & + \text{Chi phí liên quan} \end{array}$$

- Nguyên vật liệu nhập kho do thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{ccc} \text{Trị giá thực tế} & = & \text{Trị giá thực tế vật liệu} \\ \text{vật liệu nhập kho} & = & \text{xuất gia công chế biến} \\ & & + \text{Chi phí chế biến} \\ & & + \text{Chi phí liên quan} \end{array}$$

- Nguyên vật liệu nhập kho do được biểu tặng tài trợ:

$$\begin{array}{ccc} \text{Trị giá thực tế} & = & \text{Giá vật liệu tương đương trên} \\ \text{vật liệu nhập kho} & = & \text{thị trường tại thời điểm đó} \\ & & + \text{Chi phí liên quan} \end{array}$$

- Nguyên vật liệu nhập kho do được nhà nước cấp hoặc nhận góp vốn liên doanh:

$$\begin{array}{ccc} \text{Trị giá thực tế} & = & \text{Giá cấp phát (Giá do hội} \\ \text{vật liệu nhập kho} & = & \text{đồng liên doanh đánh giá)} \\ & & + \text{Chi phí liên quan} \end{array}$$

1.1.3.2. Xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho.

- Giá vốn nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền:

Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật liệu nhập kho.

Theo phương pháp này giá trị thực tế vật liệu xuất kho được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Trị giá thực tế} & = & \text{Lượng thực tế} \\ \text{vật liệu i xuất kho} & = & \text{vật liệu i xuất kho} \times \text{Giá đơn vị bình quân} \\ & & \text{của vật liệu i} \end{array}$$

Giá đơn vị bình quân có thể được tính theo các cách sau:

- *Giá đơn vị bình quân cả kỳ (Bình quân gia quyền cả kỳ):*

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng i} = \frac{\text{Giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng i nhập trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng i nhập trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ tính toán đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao và chỉ tính được khi đã kết thúc hạch toán nên công việc dồn vào cuối kỳ.

- *Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):*

Sau mỗi lần nhập, kế toán phải tính toán lại giá đơn vị bình quân 1 lần.

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập n} = \frac{\text{Giá thực tế vật liệu tồn kho sau lần nhập n}}{\text{Lượng thực tế vật liệu tồn kho sau lần nhập n}}$$

Phương pháp này có độ chính xác cao, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả, vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán nhưng tốn nhiều công sức vì phải tính toán nhiều.

- Phương pháp nhập trước xuất trước:

Theo phương pháp này, giả định lượng vật liệu nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của vật liệu nhập trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế vật liệu xuất trước. Như vậy, giá trị vật liệu tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu nhập kho thuộc lần cuối hoặc gần cuối kỳ.

Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm để tránh trường hợp rủi ro.

- Phương pháp nhập sau xuất trước:

Theo phương pháp này, giả định lượng vật liệu nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của vật liệu nhập sau sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế vật liệu xuất trước. Như vậy, giá trị vật liệu cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, giá của từng loại vật liệu sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại vật liệu nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại vật liệu đó.

Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc các mặt hàng có tính tách biệt (dễ nhận diện), có điều kiện bảo quản riêng từng lô vật liệu nhập kho.

1.1.4 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu.

Để thu nhận xử lý và cung cấp thông tin hữu ích về tình hình hiện Có, biến động của nguyên vật liệu cho các nhà quản lý. Kế toán nguyên vật liệu cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tiến hành ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, kịp thời tình hình hiện có và sự biến động của các loại nguyên vật liệu cả về mặt giá trị và hiện vật.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp phục vụ cho việc thu nhận hệ thống hóa, tổng hợp và cung cấp thông tin về tình hình hiện Có và sự biến động của nguyên vật liệu.

- Tiến hành kiểm tra, giám sát bằng đồng tiền kế hoạch thu mua, sử dụng vật tư cho sản xuất kinh doanh. Qua đó phát hiện và ngăn chặn các hành vi tham ô, lãng phí vật tư và hành vi vi phạm chế độ kế toán tài chính.

1.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

- Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu đòi hỏi phải phản ánh cả về giá trị, số lượng, chất lượng ... của từng thứ (từng danh điểm) nguyên vật liệu.

- Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, các doanh nghiệp thường xây dựng sổ đăng ký danh điểm hàng tồn kho nhằm phân loại và mã hóa vật liệu theo từng thứ, từng nhóm.

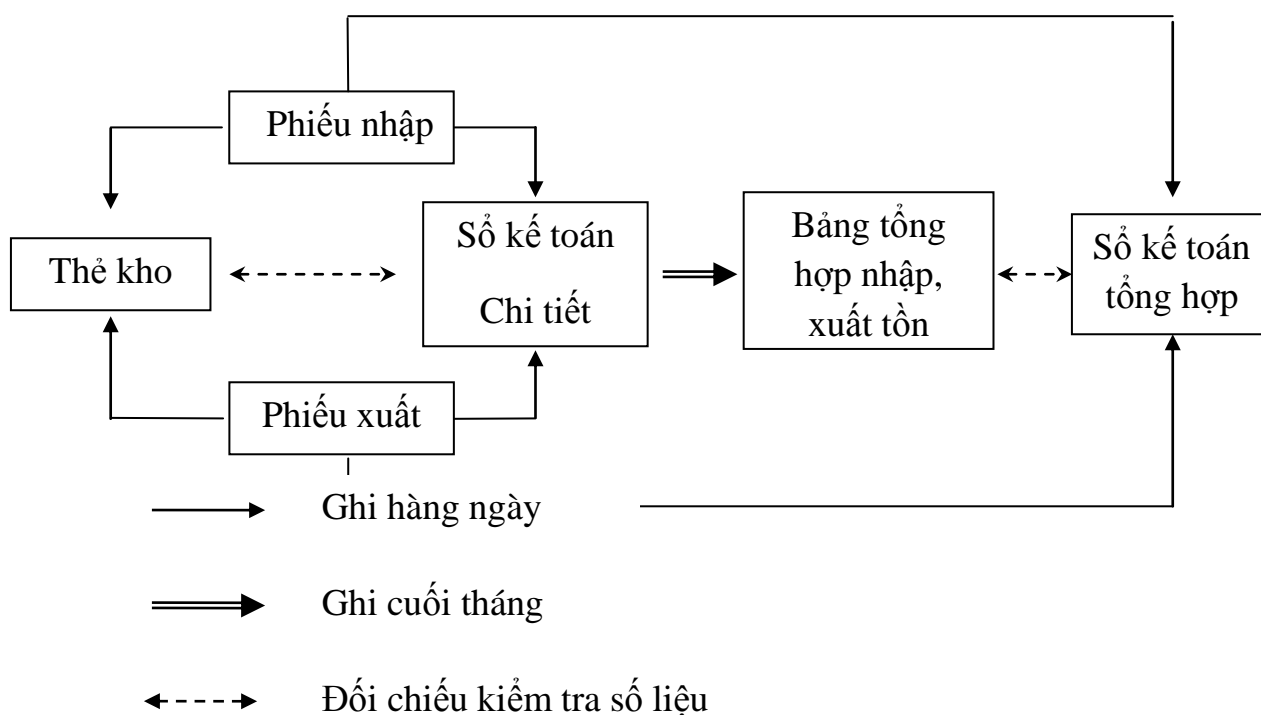
Sổ đăng ký danh điểm HTK

STT	Mã số danh điểm	Danh điểm	Đơn vị tính
1			
2			

Trong mã số danh điểm, 3 số đầu thường là tài khoản cấp 1

- Kế toán chi tiết nguyên vật liệu thường áp dụng 1 trong 3 phương pháp sau:

1.2.1 Phương pháp thẻ song song.



- Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ nhập xuất thủ kho theo dõi tình hình nhập xuất về mặt **số lượng** & cuối ngày tính ra **số lượng** vật liệu tồn kho.

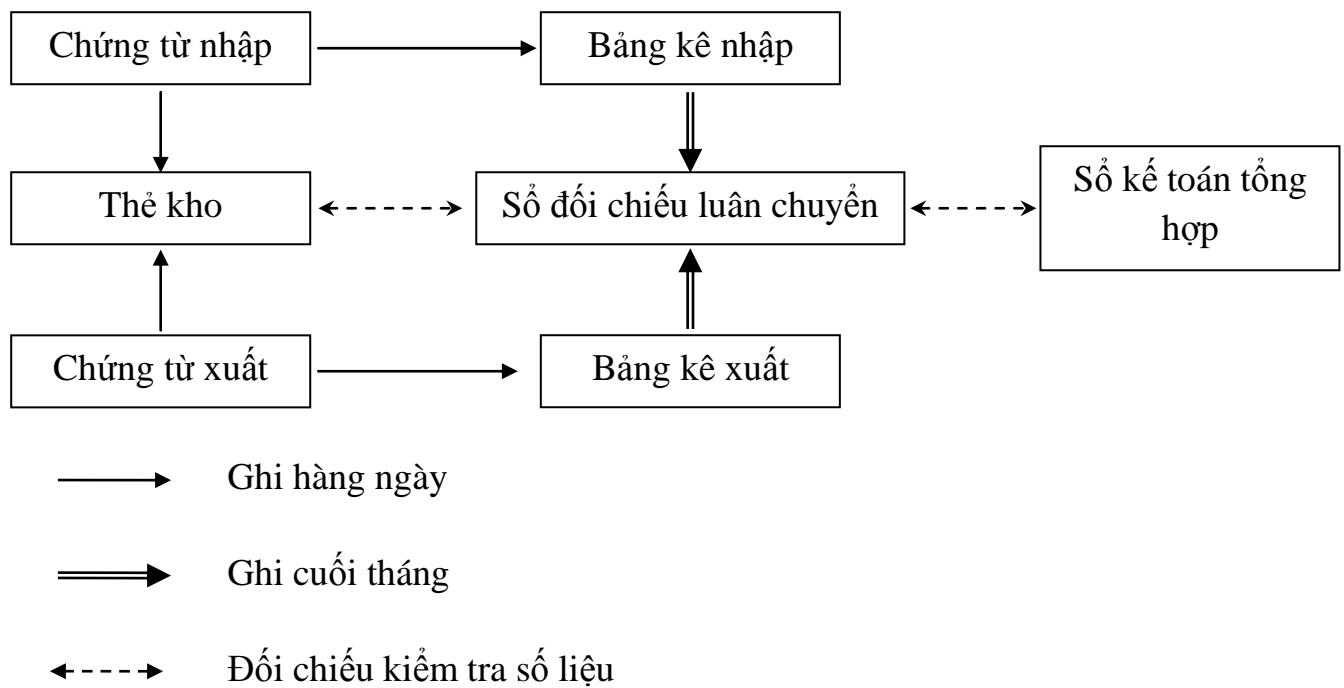
- Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng thẻ chi tiết vật liệu để theo dõi cả về **số lượng** & **giá trị**, cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn.

Với cách kiểm tra, đối chiếu như trên, phương pháp thẻ song song có ưu điểm: ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu, phát hiện sai sót trong việc ghi chép, quản lý chặt chẽ tình hình biến động về số hiện có của từng loại vật liệu theo số liệu và giá trị của chúng.

Tuy nhiên theo phương pháp sổ song song có nhược điểm lớn là việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán cần trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng công việc ghi chép quá lớn nếu chủng loại vật tư nhiều và tình hình nhập, xuất diễn ra thường xuyên hàng ngày. Hơn nữa việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

Phương pháp sổ song song được áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật liệu, công cụ dụng cụ, khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập, xuất ít, không thường xuyên và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ kế toán còn hạn chế.

1.2.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.



- Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ nhập xuất thủ kho theo dõi tình hình nhập xuất về mặt số lượng & cuối ngày tính ra số lượng vật liệu tồn kho.

- Ở phòng kế toán: Kế toán vật tư mở sổ đối chiếu luân chuyển để phản ánh tình hình nhập - xuất - tồn kho vật tư cả về mặt số lượng và giá trị (Sổ dùng cả năm, thường sử dụng đơn giá hạch toán). Sổ này được ghi mỗi tháng 1 lần vào ngày cuối tháng trên cơ sở các bảng kê nhập, bảng kê xuất vật tư (các bảng kê này được kế toán mở theo từng danh điểm vật tư tương ứng đã ghi ở thẻ kho). Mỗi danh điểm

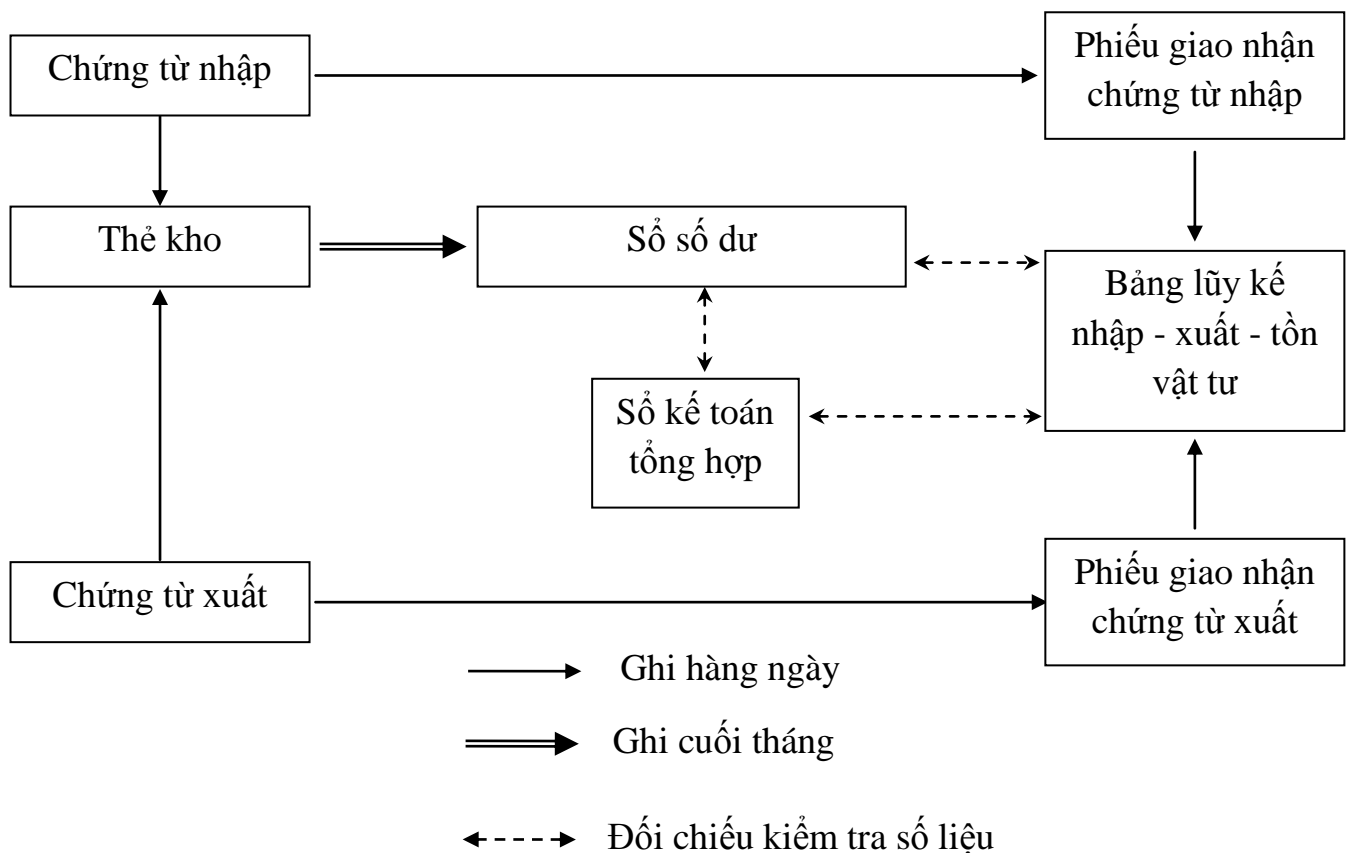
vật tư được ghi vào 1 dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối tháng tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho về mặt số lượng.

Ph-ong pháp sổ đối chiếu luân chuyển có -u điểm là giảm đ-ợc khối l-ợng ghi chép của kế toán do chỉ ghi một kỳ vào cuối tháng.

Nh-ng có nh-ợc điểm là việc ghi sổ vẫn còn trùng lặp (ở phòng kế toán vẫn theo dõi cả chỉ tiêu hiện vật và giá trị) công việc kế toán dồn vào cuối tháng, việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ tiến hành đ-ợc vào cuối tháng do trong tháng kế toán không ghi sổ. Tác dụng của kế toán trong công tác quản lý bị hạn chế.

Sổ đối chiếu luân chuyển đ-ợc áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có khối l-ợng nghiệp vụ nhập, xuất không nhiều, không bố trí riêng nhân viên kế toán vật liệu, do vậy không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình kế toán nhập, xuất hàng ngày.

1.2.3 Phương pháp sổ số dư



- Ở kho: Ngoài các công việc như phương pháp thẻ song song, thủ kho còn phải làm các công việc sau:

Định kỳ: sau khi thẻ kho, thủ kho phải lập phiếu giao nhận chứng từ theo từng danh điểm vật tư hoặc từng nhóm vật tư và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập - xuất vật tư.

Cuối tháng, căn cứ vào thẻ kho, thủ kho ghi số lượng vật tư tồn kho theo từng danh điểm vật tư vào sổ số dư. Mỗi danh điểm vật tư được ghi vào một dòng trên sổ số dư. Sổ số được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, (sổ này chỉ theo dõi về mặt lượng và tiền tồn mà không theo dõi lượng và tiền nhập - xuất của vật tư), trước ngày cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi sổ. Ghi xong phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính ra thành tiền.

- Ở phòng kế toán:

Định kỳ, nhân viên kế toán phảo xuống kho để kiểm tra việc ghi chép vào thẻ kho của thủ kho và ký xác nhận số lượng tồn tại từng thời điểm trên thẻ kho.

Định kỳ, sau khi nhận được các chứng từ nhập - xuất vật tư do thủ kho chuyển đến (đã được phân loại theo từng danh điểm vật tư), kế toán tiến hành ghi đơn giá (thường là đơn giá hạch toán) tính ra thành tiền trên từng chứng từ và ghi vào phiếu giao nhận chứng từ tương ứng, đồng thời cộng tổng số tiền trên các phiếu giao nhận chứng từ để ghi vào 1 dòng trên bảng lũy kế nhập - xuất - tồn vật tư. Sau đó cộng tổng số tiền nhập - xuất trên bảng lũy kế để tính ra số dư cuối tháng của từng danh điểm vật tư. Số dư này được dùng để đối chiếu với số dư trên sổ số dư.

Ưu điểm: Tránh đ- ợc sự ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt đ- ợc khối l- ợng công việc ghi sổ kế toán do chỉ tiêu ghi sổ theo chỉ tiêu giá trị và theo nhóm, loại vật liệu. Công việc kế toán tiến hành đều trong tháng, tạo điều kiện cung cấp kịp thời tài liệu kế toán phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý ở doanh nghiệp, thực hiện kiểm tra, giám sát th- ờng xuyên của kế toán đối với việc nhập, xuất vật liệu hàng ngày.

Và ph-ong pháp này cũng có nh-ợc điểm: Do kế toán chỉ ghi sổ theo chỉ tiêu giá trị, theo nhóm, loại vật liệu nên qua sổ liệu kế toán không thể không nhận biết đ-ợc số hiện có và tình hình tăng giảm vật liệu mà phải xem sổ liệu trên thẻ kho. Ngoài ra khi đối chiếu, kiểm tra sổ liệu ở sổ số d- và bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho nếu không khớp đúng thì việc kiểm tra để phát hiện sự nhầm lẫn, sai sót trong việc ghi sổ sẽ có nhiều khó khăn, phức tạp và tốn nhiều công sức.

Ph-ong pháp sổ số d- đ-ợc áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có khối l-ợng các nghiệp vụ kinh tế (chứng từ nhập, xuất) về nhập, xuất vật liệu diễn ra th-ờng xuyên, nhiều chủng loại vật liệu và đã xây dựng đ-ợc hệ thống danh điểm vật liệu, dùng giá hạch toán để hạch toán hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý, trình độ cán bộ kế toán của doanh nghiệp t-ơng đối cao.

1.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Theo chế độ kế toán quy định hiện hành (theo QĐ/15/TC/QĐ/CĐKT ngày 20/03/2006), trong một doanh nghiệp chỉ đ-ợc áp dụng một trong hai ph-ong pháp kế toán hàng tồn kho:

- Ph-ong pháp kê khai th-ờng xuyên
- Ph-ong pháp kiểm kê định kỳ

1.3.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Đây là phương pháp được áp dụng phổ biến hiện nay.
- Đặc điểm của phương pháp này: Kế toán thường xuyên phải theo dõi tình hình biến động nhập, xuất nguyên vật liệu & có thể xác định giá trị hàng tồn kho ở bất cứ thời điểm nào.

1.3.1.1 Tài khoản sử dụng.

Để hạch toán nguyên vật liệu, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 152 “Nguyên vật liệu”: dùng để phản ánh tình hình hiện Có, biến động tăng giảm các loại nguyên vật liệu trong kỳ theo giá thực tế. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu tùy theo yêu cầu quản lý.

Bên nợ: Phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm tăng giá thực tế của nguyên, vật liệu trong kỳ (mua ngoài, tự sản xuất, nhận góp vốn, phát hiện thừa, đánh giá tăng...).

Bên có: Phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm giảm nguyên, vật liệu trong kỳ theo giá thực tế (xuất dùng, xuất bán, xuất góp liên doanh, thiếu hụt, giảm giá đ- ợc h- ởng...)

D- nợ: Giá thực tế của nguyên, vật liệu tồn kho.

- *Tài khoản 151 - Hàng mua đi đ- ờng*: Tài khoản này dùng theo dõi các loại nguyên, vật liệu mà doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua, đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nh- ng cuối tháng, ch- a về nhập kho (kể cả số đang gửi kho ng- ời bán)

Bên nợ: Phản ánh giá trị hàng đi đ- ờng tăng.

Bên có: Phản ánh giá trị hàng đi đ- ờng kỳ tr- ớc đã nhập kho hay chuyển giao cho các bộ phận sử dụng hoặc giao cho khách hàng .

D- nợ: Giá trị hàng đang đi đ- ờng (đầu và cuối kỳ).

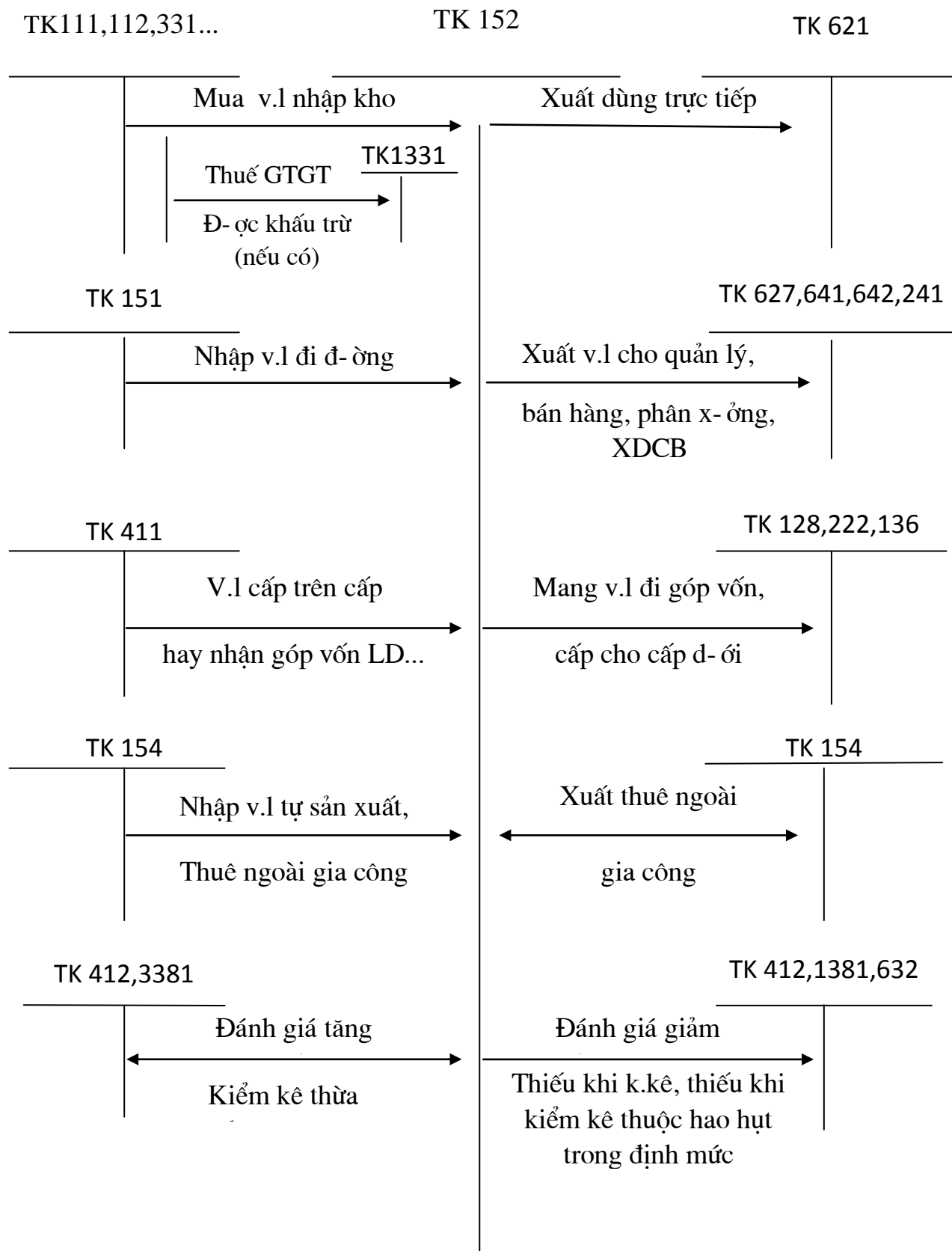
Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác nh- 133, 331, 111, 112...

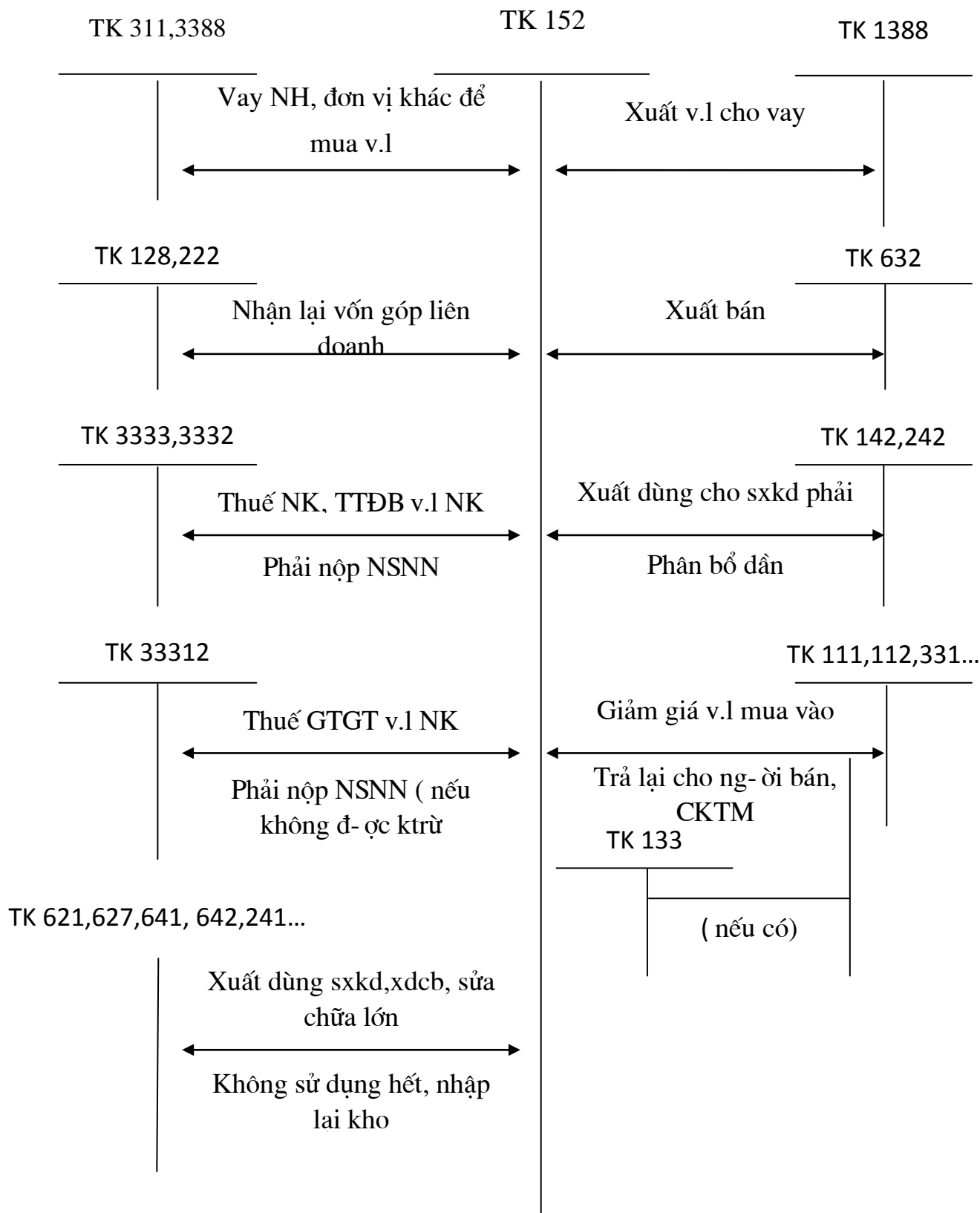
1.3.1.2 Phương pháp hạch toán.

Đối với các cơ sở kinh doanh tính thuế VAT theo ph- ơng pháp khấu trừ (thực hiện việc mua, bán hàng hoá có hoá đơn, chứng từ, ghi chép đầy đủ), thuế VAT đầu vào đ- ợc tách riêng, không ghi vào giá thực tế của vật liệu. Nh- vậy khi mua hàng, trong tổng giá thanh toán phải trả cho ng- ời bán, phần giá mua ch- a thuế đ- ợc ghi tăng giá vật liệu, còn phần thuế VAT đầu vào đ- ợc ghi vào số đ- ợc khấu trừ.

Đối với các đơn vị tính thuế VAT theo ph- ơng pháp trực tiếp (đơn vị ch- a thực hiện đầy đủ các điều kiện về sổ sách kế toán, về chứng từ hoặc với các doanh nghiệp kinh doanh vàng bạc), do phần thuế VAT đ- ợc tính vào giá thực tế vật liệu nên khi mua vào, kế toán ghi vào tài khoản 152 theo tổng giá thanh toán.

Sơ đồ 1.3.1.2.1: Hạch toán Nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên





1.3.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Phương pháp này có đặc điểm: Chỉ theo dõi nghiệp vụ nhập vật liệu còn trị giá thực tế xuất kho chỉ được tính vào thời điểm cuối kỳ khi có kết quả kiểm kê cuối kỳ.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá thực} & & \text{Trị giá thực} & & \text{Trị giá thực} & & \text{Trị giá thực} \\ \text{tế xuất kho} & & \text{tế tồn kho} & & \text{tế nhập kho} & & \text{tế tồn kho} \\ \text{trong kỳ} & = & \text{cuối kỳ} & + & \text{trong kỳ} & - & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

1.3.2.1 Tài khoản sử dụng.

- TK 611 “Mua hàng” (tiểu khoản 6111 - Mua nguyên, vật liệu): Dùng để theo dõi tình hình thu mua, tăng, giảm nguyên vật liệu theo giá thực tế.

Bên nợ: Phản ánh giá thực tế nguyên, vật liệu tồn đầu kỳ và tăng thêm trong kỳ.

Bên có: Phản ánh giá thực tế vật liệu xuất dùng, xuất bán, thiếu hụt... trong kỳ và tồn kho cuối kỳ.

TK 6111 cuối kỳ không có số d- và th- ờng đ- ợc mở chi tiết theo từng loại vật t- .

- TK 152 “Nguyên liệu, vật liệu”:

Bên nợ: Giá thực tế vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Bên có: Kết chuyển giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ.

D- nợ: Giá thực tế vật liệu tồn kho.

- TK 151 “Hàng mua đang đi trên đ- ờng”:

Bên nợ: Giá thực tế hàng đang đi đ- ờng cuối kỳ.

Bên có: Kết chuyển giá thực tế hàng đang đi đ- ờng đầu kỳ.

D- nợ: Giá thực tế hàng đang đi đ- ờng.

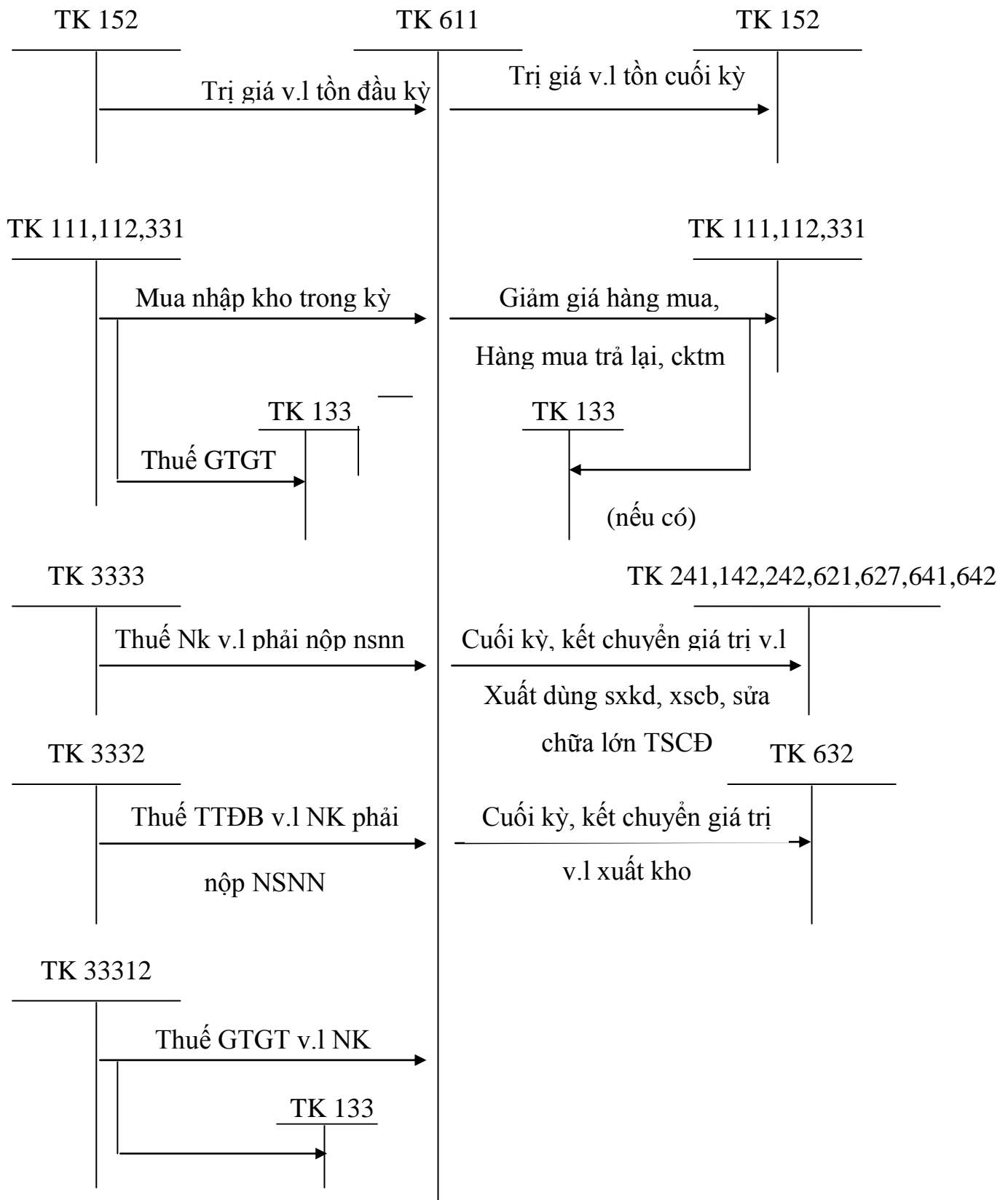
Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan nh- 133, 331, 111, 112... Các tài khoản này có nội dung và kết cấu giống nh- ph- ơng pháp kê khai th- ờng xuyên.

1.3.2.2 Phương pháp hạch toán.

Đầu kỳ: căn cứ giá thực tế vật liệu đang đi đ- ờng và tồn kho đầu kỳ kết chuyển vào tài khoản 611. Trong kỳ: Khi mua vật liệu, căn cứ vào các hoá đơn, chứng từ liên quan, kế toán ghi sổ phản ánh trực tiếp vào tài khoản 611.

Cuối kỳ: căn cứ kết quả kiểm kê, kế toán kết chuyển giá trị vật liệu ch- a sử dụng và xác định giá trị xuất dùng. Để xác định giá trị vật liệu xuất dùng của từng loại cho sản xuất, kế toán phải kết hợp với kế toán chi tiết mới có thể xác định đ- ợc do kế toán tổng hợp không theo dõi xuất liên tục.

Sơ đồ 1.3.2.2.1: Hạch toán Nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

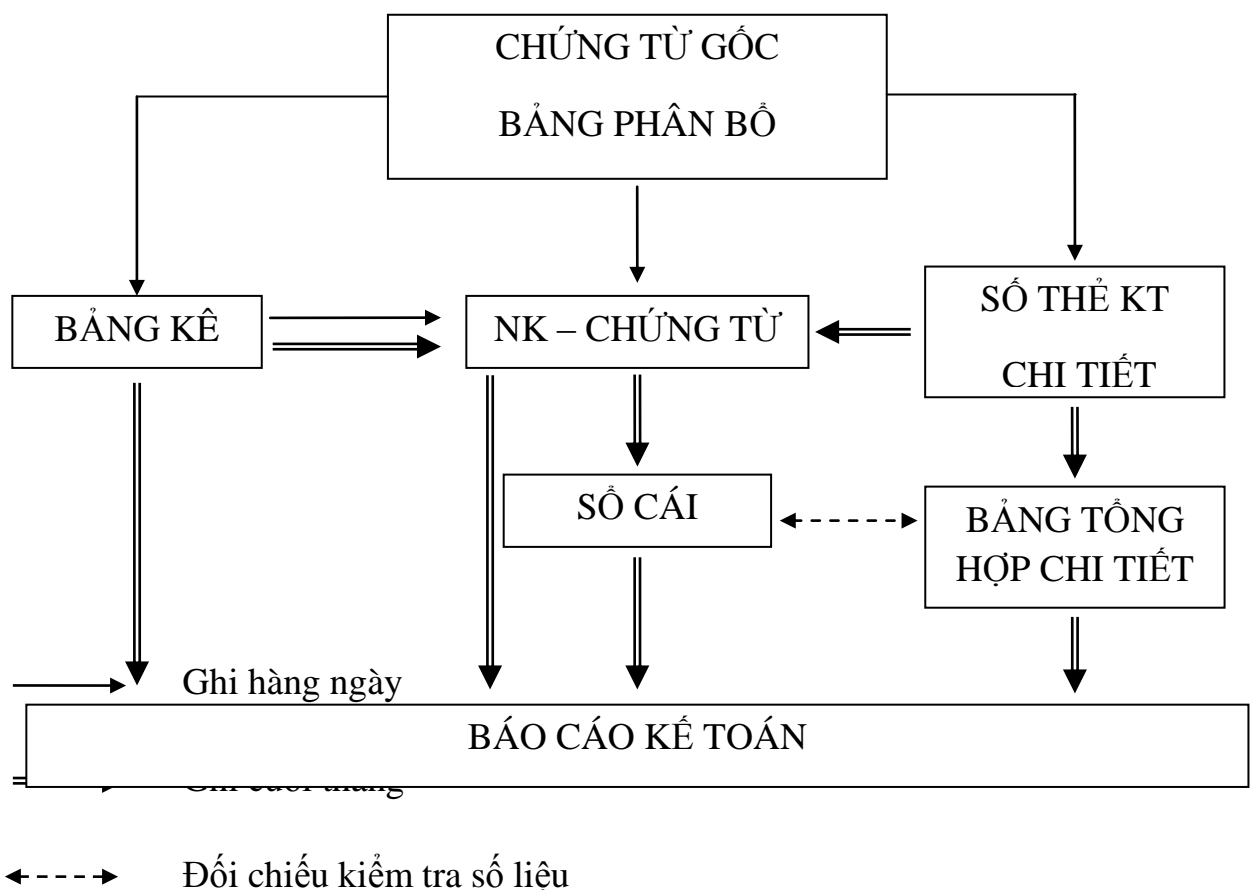


1.4 Tổ chức sổ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Các doanh nghiệp có thể lựa chọn vận dụng hình thức kế toán cho phù hợp với đặc điểm quy mô hoạt động của doanh nghiệp dựa trên 5 hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức nhật ký sổ cái.
- Hình thức chứng từ ghi sổ.
- Hình thức nhật ký chứng từ.
- Hình thức nhật ký chung.
- Hình thức kế toán máy.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ tại doanh nghiệp:



Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ:

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.
- Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.
- Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.
- Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.
- Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.
- Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ (NKCT)

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

-
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ.
- Bảng kê.
- Sổ Cái.
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

CHƯƠNG 2:
TÌNH HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT.

2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần Bao Bì Bia – Rượu – Nước giải khát.

2.1.1 Quá trình hình thành phát triển.



Công ty Cổ phần Bao bì Bia – Rượu – Nước giải khát (Balpac) là công ty con của Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (HABECO), được cổ phần hoá từ Công ty Thủy tinh Hải Phòng, vốn đã có truyền thống hơn 80 năm xây dựng và trưởng thành (chính thức cổ phần hoá vào ngày 01/6/2005) Hiện nay, Balpac có nhiệm vụ chuyên sản xuất các loại bao bì cho HABECO và các đơn vị sản xuất đồ uống trong ngành.

Địa chỉ: Số 38 Đường Ngô Quyền - Hải Phòng

Điện thoại: +84-31 – 3837257

Fax: +84-31 - 3837137

Email: thuytinh@hn.vnn.vn

Tên doanh nghiệp phát hành: Công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát

Tên giao dịch: BEER - ALCOHOL - BEVERAGE PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: BALPAC

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng Trong đó:

- Nhà nước nắm giữ 68,95%, giá trị là 13.790.000.000 đồng.

- Người lao động trong công ty nắm giữ 23,35%, giá trị là 4.670.000.000 đồng.

- Người ngoài doanh nghiệp nắm giữ 7,7%, giá trị là 1. 540. 000. 000 đồng.

Công ty Balpac ra đời là kết quả của quá trình đổi mới, sắp xếp lại một doanh nghiệp nhà nước với nhiều nét đặc thù riêng.

Thực hiện quyết định số 125/QĐ-TT ngày 26/1/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới Tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp nhà nước thuộc bộ công nghiệp giai đoạn 2003-2005 và được sự đồng ý của Bộ Công nghiệp, Hội đồng quản trị Tổng công ty Bia – rượu – nước giải khát Hà Nội đã đưa ra Nghị Quyết số 02/HĐQT ngày 11/8/2003 về việc Công ty Thủy Tinh ngừng sản xuất thủy tinh và chuyển thành công ty cổ phần.

Ngày 19/4/2005, Công ty đã tiến hành Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Bao bì Bia – rượu – nước giải khát. Đại hội cổ đông đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần, thông qua phương hướng sản xuất kinh doanh và bầu ra Hội đồng Quản trị công ty, ban kiểm soát công ty.

Ngày 12/5/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ra Quyết định số 1034/QĐ-TCCB và Quyết định số 166/2004/QĐ-BCN ngày 18/12/2004 về việc cổ phần hóa Công ty Thủy Tinh Hải Phòng

Ngày 16/5/2005, Sở Kế hoạch và đầu tư Hải Phòng đã cấp giấy phép kinh doanh số 0203001481 cho công ty cổ phần. Ngày 02/6/2005, Công ty cổ phần được phép sử dụng con dấu mới. Công ty cổ phần bao bì bia – rượu – nước giải khát chính thức đi vào hoạt động theo Luật doanh nghiệp từ 02/6/2005 với địa chỉ tại Số 38 - Đường Ngô Quyền – Phường Máy Chai – Quận Ngô Quyền – Thành phố Hải Phòng.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh.

Ngay sau khi cổ phần hoá, Công ty đã tiến hành đầu tư thay đổi công nghệ, chuyển hướng kinh doanh. Cụ thể là, Balpac đã ngừng sản xuất sản phẩm bao bì thủy tinh truyền thống và đầu tư dây chuyền sản xuất sản phẩm nút khoén. Đồng thời, Công ty cũng xác định hướng đi là đẩy mạnh kinh doanh dịch vụ các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát. . .

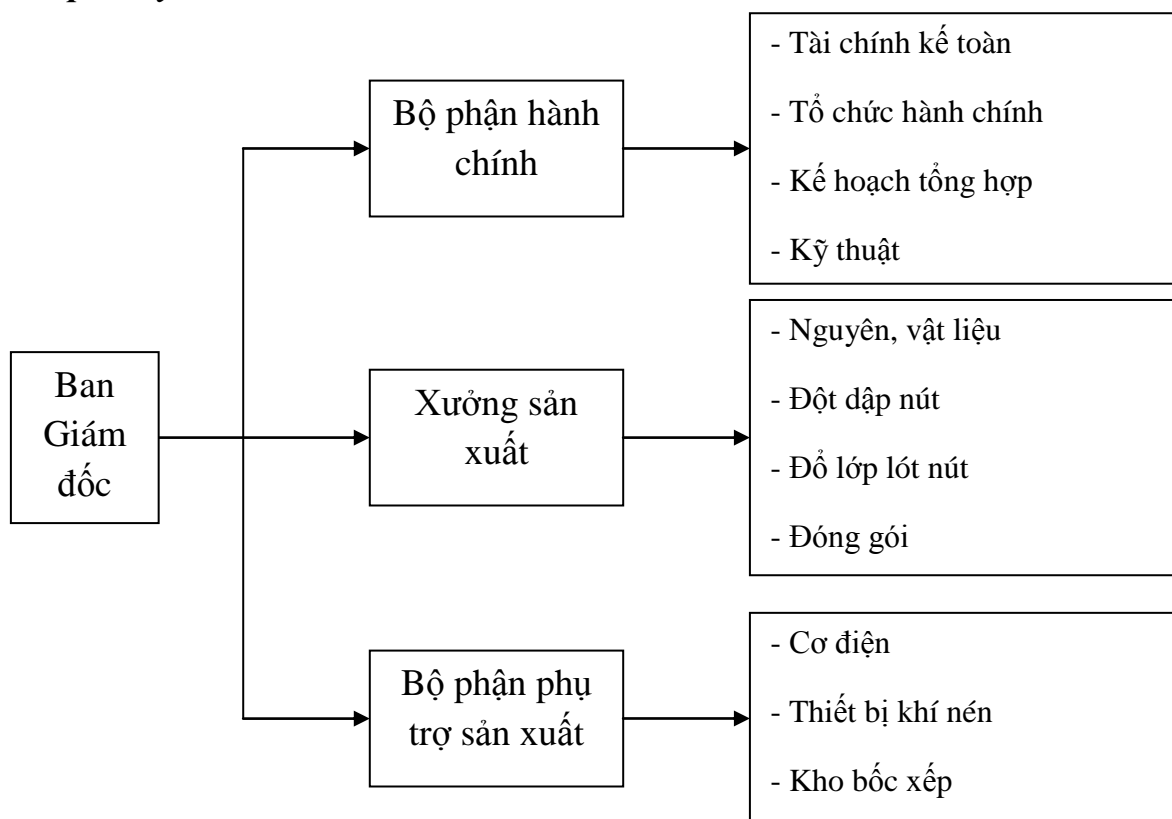
Khi nghiên cứu về việc bảo quản chất lượng đồ uống đưa ra thị trường, Balpac nhận thấy rằng: rất nhiều sản phẩm đóng chai sau một thời gian tham gia quá trình phân phối, lưu thông đã bị mất phẩm chất ban đầu. Tuy nhiên, lỗi không phải do công nghệ sản xuất mà chính là vì các tác động trong quá trình vận chuyển, bảo quản, . . . nên chai bị xì gas, gỉ sắt ở nút chai. Sai sót này nằm ngoài tầm quản lý của nhà sản xuất, nhưng lại gây tác hại trực tiếp đến sản phẩm, ảnh hưởng lớn đến uy tín thương hiệu của các doanh nghiệp. Chính vì thế, Balpac khẳng định rằng: “Chai nào cũng cần nút, nhưng không phải nút nào cũng phù hợp với chai”. Để cùng với các nhà sản xuất giữ gìn thương hiệu và chất lượng sản phẩm của mình, Balpac đã nhập một dây chuyền thiết bị đồng bộ và hiện đại nhất hiện nay từ hãng SACMI – nhà sản xuất dây chuyền nút khoén nổi tiếng của Italia. Đây là dây chuyền mới nhất theo tiêu chuẩn châu Âu, sản xuất vào cuối năm 2005, được ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thời đại. Bởi thế, Balpac luôn tự hào rằng, nút khoén của Công ty sản xuất luôn đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế khắt khe nhất. Nút khoén Balpac loại siêu ngắn được làm từ chất liệu tôn thép Tin Free Stell/Timplate (TFS/T), dày 0,25mm, độ cứng T3 & T4, cùng các góc lượn hợp lý và đường răng viền nút tiêu chuẩn, đảm bảo ôm kín miệng chai thủy tinh. Hơn nữa, lớp lót tiêu chuẩn quốc tế giúp chai có độ kín tuyệt đối, giữ nguyên hương vị của đồ uống bên trong khi vừa xuất xưởng. Với chủng loại tôn cao cấp, sơn phủ 3 lớp vecni trên nút, nên thương hiệu của nhà sản xuất luôn đảm bảo được in chính xác và sắc nét, không bị trầy xước khi qua máy dập, cũng như các cọ xát trong quá trình lưu thông, phân phối. Với dây chuyền sản xuất nút khoén hiện đại và hiệu suất cao, Balpac hôm nay luôn sẵn sàng cho sự cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường.

Phát huy truyền thống và những thế mạnh, thành tựu đã đạt được, sau một năm cổ phần hoá, năm 2006, Công ty đã nỗ lực phấn đấu đưa tổng doanh thu tăng trên 400% so với năm 2005. Đạt được mục tiêu này, chính là nhờ sự hoạt động thành công của dây chuyền sản xuất nút khoén Balpac và sự quyết tâm, nỗ lực hết mình của tập thể ban lãnh đạo, CBCNV Công ty.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh.

Qua khảo sát, tìm hiểu và nghiên cứu thực tế quá trình hoạt động của dây chuyền sản xuất và công nghệ sản xuất của công ty cổ phần nhận thấy công ty cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát đã xây dựng được bộ máy tổ chức quản lý để các đơn vị cùng thực hiện nhiệm vụ triển khai sản xuất khối lượng lớn và sản xuất liên tục bằng dây chuyền sản xuất nút khoén công suất 100.000 nút/giờ. Kết hợp với việc mở rộng thị trường tiêu thụ nút khoén đến các đơn vị ngoài Tổng công ty

Sơ đồ quản lý sản xuất:



Với tôn chỉ mục đích hoạt động của công ty cổ phần là: luôn đặt lợi ích công ty lên trên hết (thu được lợi nhuận cao, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên và phát triển ngành ngày càng mạnh) cùng với sự đoàn kết, phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận hành chính quản trị với bộ phận sản xuất chính, bộ phận sản xuất phụ để khai thác tối đa năng suất lao động của từng phân xưởng, không để thời gian chết trong 1 chu kỳ sản xuất và khai thác hết hiệu quả của khoa học quản lý đưa ra hệ thống kiểm soát nội bộ để quản lý chặt chẽ quy trình nhập liệu – sản xuất – nhập kho – bảo quản – tiêu thụ sản phẩm – phát triển thị trường. Giữa các bộ phận cung cấp, bộ phận vận

chuyên, bộ phận sản xuất chính, bộ phận sản xuất phụ có mối quan hệ công tác tốt để các bộ phận có thể kiểm tra, kiểm soát lẫn nhau, tránh không để tình trạng bế tắc, ứ đọng công việc tại một khâu nào đó. Hàng tháng, quý, các bộ phận đều phải có những bản báo cáo kết quả hoạt động của bộ phận mình cho ban lãnh đạo công ty cổ phần.

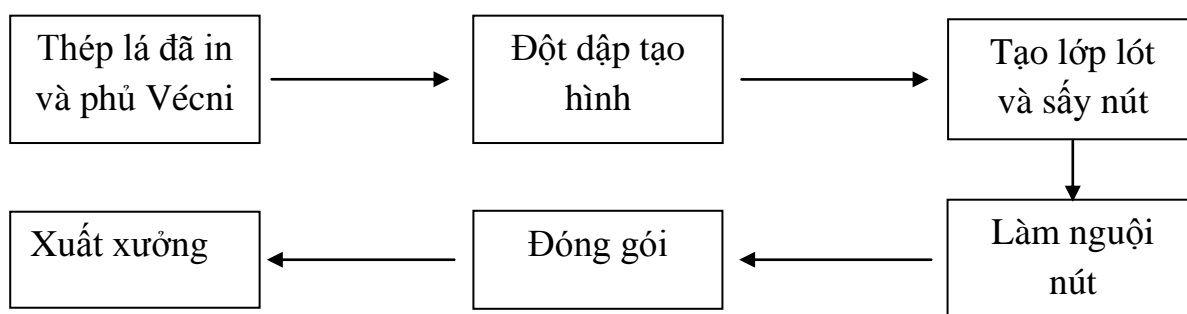
Hệ thống sản xuất nắp khoén được lắp đặt trong khuôn viên thuộc Công ty Cổ phần bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát.

Tổng diện tích mặt bằng nhà xưởng công ty: 33. 204 m². Trong đó:

- Diện tích mặt phân xưởng cầu bến: 7. 860 m²
- Diện tích trạm cân: 5. 713 m²
- Diện tích nhà Diezen: 1. 455 m²
- Diện tích phân xưởng cơ điện: 2. 474 m²
- Diện tích phân xưởng dân dụng: 1. 730 m²
- Diện tích sân, kho cát: 5. 162 m²
- Diện tích phân xưởng nguyên liệu: 3. 237 m²
- Diện tích trạm dịch vụ: 545 m²
- Diện tích phân xưởng thủy tinh: 9. 553 m²
- Diện tích trạm kiểm dịch: 200 m²
- Diện tích nhà điều hành: 520 m²

Hệ thống sản xuất nắp khoén được lắp đặt tại nhà xưởng nguyên liệu cũ (nay là phân xưởng sản xuất) trong đó: diện tích cần thiết cho lắp đặt hệ thống dây truyền 700m². Diện tích còn lại 120m² sử dụng làm kho chứa nguyên liệu, thành phẩm của phân xưởng.

Sơ đồ dây truyền sản xuất:



Tôn sắt lá tráng thiếc được đặt cung cấp theo yêu cầu công nghệ đã được tráng phủ vécni, in sẵn, tôn sắt lá đã qua xử lý được đặt một số công ty trong nước.

Tôn được xếp thành kiện và tự động nạp vào máy dập nút theo chương trình tự động cài sẵn.

Sau khi dập và định hình nút, bán sản phẩm được tự động chuyển sang thiết bị tạo lớp lót và định hình lớp lót nút (lớp lót được tạo ra bằng hạt nhựa PVC – có hệ thống gia nhiệt để làm nóng chảy nhựa PVC). Nút được hệ thống tự động kiểm tra, phân loại và làm nguội, sản phẩm được đưa vào thùng chứa trung gian, hệ thống tự động đếm nút và băng tải sẽ tự động chuyển nút khoán đủ tiêu chuẩn, chất lượng sang đóng gói để nhập kho và đưa đi tiêu thụ.

Đặc điểm công nghệ sản xuất:

Hệ thống sản xuất nắp khoán do hãng SAMIMOLA YTALIA sản xuất, chế tạo cuối năm 2005 phù hợp với các tiêu chuẩn: VDO/DIN/ISO.

Máy, thiết bị, các chi tiết được thiết kế, chế tạo theo tiêu chuẩn EU với công nghệ hiện đại.

Thiết kế thiết bị điện, điện tử theo tiêu chuẩn VDE, thích hợp cho việc sử dụng trong điều kiện khí hậu nhiệt đới.

Việc bố trí các yếu tố vận hành được thiết kế rất rõ ràng, hợp lý trong hộp kín, bảo đảm an toàn.

Từng máy đều bố trí thiết bị an toàn, đáp ứng được những hệ thống tiêu chuẩn an toàn nghiêm ngặt của nước xuất xứ.

Hệ thống đồng bộ sản xuất nắp khoén với các thông số kỹ thuật sau:

- Nắp khoén hình tròn có độ dày: 0,23 đến 0,32 mm.
- Đường kính ngoài nắp: 32,05 +/- 0,2 mm.
- Đường kính trong nắp: 26,08 +/- 0,1 mm.
- Chiều cao nắp: 5,97 +/- 0,2 mm.

Với hệ thống sản xuất nắp khoén được mô tả khái quát như trên thì kế hoạch sản xuất của công ty cổ phần được hoạt động cụ thể như sau:

- Số ngày làm việc trong 1 năm: 285 ngày.
- Số ngày làm việc trong 1 tuần: 5,5 ngày.
- Số ca làm việc trong 1 ngày: 03 ca.
- Số giờ vận hành trong 1 ca sản xuất: 07 giờ.

Sản xuất nút khoén dùng cho bia chai:

Công suất: $100.000 \text{ nút/giờ} \times 21 \text{ giờ} \times 285 \text{ ngày} \times 95\% = 568.575.000$ nút/năm

Qua tình hình hoạt động sản xuất và tiêu thụ thực tế của công ty rút ra những đặc điểm khái quát về trang thiết bị, về bố trí mặt bằng, nhà xưởng, về an toàn lao động.

Phân dập nút và tạo lớp lót PVC:

Tôn đã được in và sử lý, máy tự động bóc tôn đưa vào hệ thống dập nút với tốc độ 100.000 nút/giờ theo chương trình đã được cài đặt, nút đã định hình sau khi được hệ thống tự động kiểm tra chất lượng (đã cài đặt sẵn) những sản phẩm không đáp ứng nhu cầu kỹ thuật sẽ bị loại ra khỏi hệ thống và những sản phẩm đáp ứng nhu cầu kỹ thuật sẽ theo băng tải tới hệ thống đun nhựa PVC và định hình lớp lót. Sản phẩm đã được đổ lớp lót theo băng tải từ tính qua hệ thống kiểm tra, những sản phẩm đạt chất lượng sẽ được chuyển qua máy đếm tự động và được đưa tới bộ phận đóng gói; sản phẩm không đạt chất lượng sẽ được loại ra khỏi hệ thống.

Các kỹ thuật xử lý và không chế ô nhiễm không khí:

Dây truyền sản xuất nút khoén chủ yếu là hệ thống cơ khí hoạt động, lượng khí thải chủ yếu từ thiết bị gia nhiệt lớp lót nút sinh ra. Thiết bị này sử dụng gaz propane (khí đốt thiên nhiên) để gia nhiệt. Hệ thống được thiết kế hiện đại, theo tiêu chuẩn của Châu Âu, lượng khí thải do quá trình sản xuất không gây độc hại, mức độ gây nhiễm dưới ngưỡng cho phép.

Tiếng ồn trong dây truyền sản xuất chủ yếu sinh ra từ máy đột dập. Máy đột dập nút khoén được thiết kế và chế tại Châu Âu theo tiêu chuẩn Châu Âu, tiếng ồn ở phạm vi cho phép. Trên thực tế, khi mua sắm thiết bị kết hợp thiết kế với thi công và việc trồng cây xanh cảnh quan môi trường nên không gây ra tiếng ồn lớn.

Chất thải và khả năng ô nhiễm môi trường:

- Nước thải trong quá trình sản xuất.
- Các chất thải rắn như: phế liệu tôn thiếc, nhựa PVC.
- Các chất thải lỏng: hầu như không có.

Biện pháp giảm thải môi trường:

Khi dây truyền sản xuất hoạt động, lượng khí thải phát ra không lớn, lượng nước thải không nhiều, chất thải rắn hầu như không có, tiếng ồn ở phạm vi cho phép, không gây độc hại ô nhiễm môi trường xung quanh. Tuy nhiên, trong quá trình lắp đặt thiết bị, công ty đã thiết kế, sửa chữa nhà xưởng phù hợp với điều kiện bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, đồng thời cũng đảm bảo việc thông thoáng thoát nhiệt, giảm tiếng ồn bằng việc:

- Lắp đặt các quả cầu hút gió để hút không khí phát sinh từ xưởng.
- Lắp đặt các ô lấy ánh sáng tự nhiên.
- Lắp đặt quạt hút để đối lưu không khí.
- Cải tạo lại một số đường thoát nước, làm đường nội bộ trong công ty.

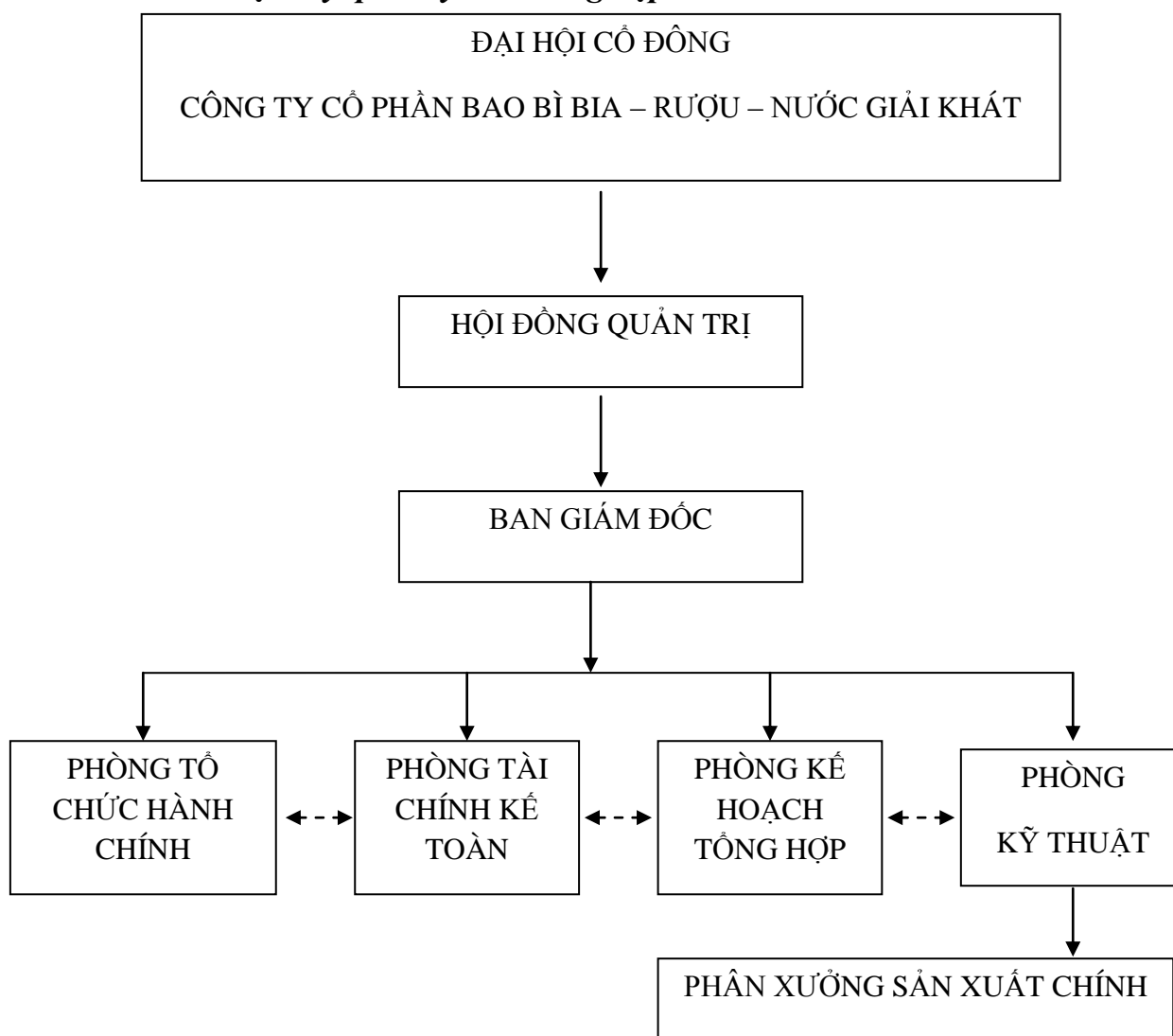
- Làm vườn hoa, trồng thêm cây xanh nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường xung quanh. Đồng thời, trang bị nút tai, bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân vận hành.

Công ty đã lập bản cam kết bảo vệ môi trường và đã được cấp giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường số 01/CKMT- UBND ngày 10/1/2007 do Ủy ban nhân dân Quận Ngô Quyền cấp.

Hàng năm công ty đều lập báo cáo quan trắc và phân tích môi trường do Trung tâm Quan trắc và Môi trường – Sở tài nguyên và môi trường Hải Phòng thực hiện và xác nhận. Kết quả gần nhất: 27/11/2008 đã phản ánh tất cả các chỉ tiêu cam kết đều thấp hơn chỉ tiêu cho phép.

2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp



Công ty tổ chức bộ máy quản lý theo kiểu trực tuyến – chức năng. Với cơ cấu này các phòng ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu cho Giám Đốc, vừa phát huy được năng lực chuyên môn của từng phòng ban, vừa bảo đảm quyền chỉ huy, điều hành của Giám đốc. Đứng đầu là đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông sẽ tiến hành bầu ra Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị, các phó chủ tịch và thành viên (kiêm nhiệm hoặc không kiêm nhiệm). Sau đó, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành bổ nhiệm Giám đốc. (Hiện nay công ty mới chỉ có 01 giám đốc là Ông Trương Thế Cường). Bên cạnh đó còn có các phòng ban, các bộ phận sản xuất tạo thành một hệ thống đảm bảo cho hoạt động của công ty được liên tục và hiệu quả.

Phòng Kế hoạch tổng hợp

- Lập kế hoạch tiêu thụ, sản xuất, mua nguyên vật liệu.
- Lập kế hoạch và tổ chức sắp xếp, quản lý về giao nhận và quyết toán nguyên, nhiên vật liệu.
- Mua sắm vật liệu phụ, phương tiện và dụng cụ cung cấp cho các bộ phận sản xuất hoặc theo đơn đặt hàng.
- Lập biểu đối chiếu tiêu hao vật tư.
- Tổng hợp, báo cáo khối lượng công việc của tháng, quý, năm.

Phòng kỹ thuật

- Thiết kế các dự án đầu tư, tổ chức sản xuất kết cấu các chi tiết máy móc phục vụ sản xuất cho công ty;
- Tổ chức kiểm tra, giám sát các sản phẩm;
- Chịu trách nhiệm quản lý điều hành bộ phận sản xuất chính.

Phòng tổ chức hành chính

- Phụ trách mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm... cung cấp cho các bộ phận, phòng ban văn phòng;
- Tổ chức tính lương và các khoản khấu trừ qua lương.

Phòng tài chính kế toán

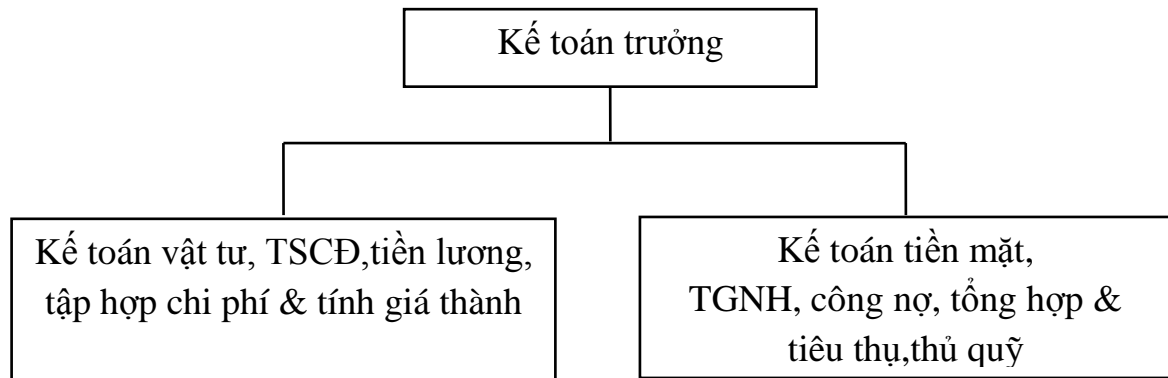
- Là bộ phận cung cấp số liệu, tài liệu cho Giám đốc phục vụ công tác điều hành hoạt động sản xuất, phân tích các hoạt động kinh tế phục vụ cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, phòng Tài chính kế toán có nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Giám đốc thực hiện quyền quản lý, sử dụng tài sản, vốn, đất đai và các tài nguyên khác giúp Giám đốc quản lý, điều tiết và phát triển vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiến hành phân tích tình hình tài chính của công ty nhằm hoạch định chiến lược tài chính của công ty, tìm và lựa chọn phương án tối ưu nhất về mặt tài chính.
- Tổ chức thực hiện công tác kế toán theo đúng chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành. Ghi chép, phản ánh, tính toán số liệu tình hình luân chuyển vật tư, tài sản, tiền vốn quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Định kỳ tiến hành lập các báo cáo theo quy định của chế độ hiện hành;
- Kết hợp với các phòng ban chức năng khác để nắm vững tiến độ, khối lượng.
- Tiến hành theo dõi khấu hao máy móc thiết bị, thanh quyết toán với chủ hàng, người lao động và CBCNV, thực hiện nghĩa vụ với nhà nước, bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm y tế cho nhân viên của công ty. Các nghiệp vụ thu-chi của công ty đòi hỏi cần phải có đầy đủ chứng từ và chữ ký của những người liên quan trong chứng từ đó.
- Quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Giám đốc là quan hệ quản trị công ty. Quan hệ giữa Giám đốc và các bộ phận phòng ban, bộ phận sản xuất, người lao động nói chung là quan hệ quản lý.

2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán.

Doanh nghiệp tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập chung, bao gồm 3 người, mỗi người có chức năng nhiệm vụ khác nhau:

Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán:



○ **Kế toán trưởng:**

Có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của Công ty, tham mưu cho Giám đốc về hoạt động tài chính, thu chi tiền mặt, kế hoạch tìm nguồn vốn vay, tài trợ... cho công ty. Nghiên cứu vận dụng chế độ, chính sách về tài chính kế toán của nhà nước với điều kiện cụ thể của công ty. Đồng thời, tham mưu cho Giám đốc bố trí, sắp xếp nhân sự phòng kế toán tài chính.

○ **Kế toán vật tư, TSCĐ, tập hợp chi phí và tính giá thành:**

- Theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn của vật tư hàng hóa, chịu trách nhiệm hạch toán chính xác chi phí nguyên vật liệu trong sản xuất và sử dụng chung.
- Theo dõi tình hình biến động của TSCĐ, theo dõi tình hình nhập, xuất và sử dụng công cụ, dụng cụ.
- Tập hợp chi phí và tính giá thành.

○ **Kế toán tổng hợp, tiền mặt, TGNH, công nợ, tiêu thụ, thủ quỹ:**

- Theo dõi tình hình tăng, giảm quỹ tiền mặt, TGNH, theo dõi các khoản vay.
- Theo dõi việc thanh toán với người mua, người bán, với ngân hàng, ngân sách.
- Tổng hợp các số liệu vào sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đồng thời theo dõi việc tiêu thụ sản phẩm.
- Tiến hành thu, chi và theo dõi chặt chẽ các khoản thu, chi và tình hình tồn quỹ tiền mặt.

2.1.6 Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản sử dụng.

Công ty áp dụng hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/BTC ngày 20/3/2006, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn kèm theo.

2.17 Tổ chức hệ thống sổ kế toán .

- Niên độ kế toán (bắt đầu từ ngày 1/1 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm).
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký – Chứng từ.

Tổ chức hệ thống báo cáo tại doanh nghiệp:

Ngoài 4 báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính), Doanh nghiệp còn sử dụng thêm 1 số báo cáo để phục vụ cho yêu cầu quản trị doanh nghiệp như: Báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố, Báo cáo tổng hợp tăng giảm nguyên giá và hao mòn TSCĐ, Báo cáo giá thành sản xuất sản phẩm, Báo cáo doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh, báo cáo các khoản nợ phải thu và nợ phải trả.

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bao Bì Bia – Rượu – Nước giải khát.

2.2.1 Đặc điểm chung về nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu tại Công ty được phân loại dựa trên tính chất. Gồm:

- *Nguyên liệu, vật liệu chính (NVLC)*: là nguyên liệu, vật liệu chủ yếu cấu thành sản phẩm như: hạt nhựa PVC, thép tôn tấm.
- *Vật liệu phụ (VLP)*: là những vật liệu phụ trong quá trình sản xuất, nó không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp được với vật liệu chính làm thay đổi hình dạng, màu sắc hoặc làm tăng chất lượng của sản phẩm: hóa chất, thiếc,...
- *Nhiên liệu*: nhiên liệu của công ty chủ yếu là điện, điện phục vụ cho quá trình vận hành máy móc thiết bị.
- *Phụ tùng thay thế*: là những vật tư dùng cho việc thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị như: găng cao su, băng tải cao su, van điện từ ...

- *Phế liệu*: là những vật liệu do không tham gia được quá trình sản xuất nên bị loại ra như: sắt, thép bị rỉ, phế phẩm...

2.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là bộ phận chủ yếu của tài sản lưu động phục vụ cho sản xuất sản phẩm của Công ty. Trong quá trình chuẩn bị cho SXKD nếu doanh nghiệp làm tốt khâu cung ứng và dự trữ nguyên vật liệu, NVL sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiến hành được thường xuyên và liên tục.

Mặt khác do chi phí NVL chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất cho nên muốn tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng mức lãi kinh doanh thì cần phải phấn đấu sử dụng tiết kiệm NVL. Do vậy Công ty đã áp dụng các biện pháp:

Kiểm tra tình hình thực hiện các Hợp đồng cung ứng NVL phát hiện các diễn biến không bình thường để kịp thời thông báo cho nguồn cung ứng duy trì tiến độ cung ứng, đảm bảo cung ứng đủ số lượng, chủng loại và chất lượng các loại NVL đã ký kết trong hợp đồng...

Kiểm tra tình hình dự trữ các loại NVL chủ yếu, đối chiếu với yêu cầu của SXKD, tình hình kho chứa và mức độ dự trữ hợp lý để thông báo cho bộ phận thu mua có biện pháp kịp thời.

Thường xuyên và định kỳ phân tích tình hình sử dụng NVL để tìm ra các giải pháp sử dụng tiết kiệm NVL.

Một trong những công tác quản lý nguyên, vật liệu là phản ánh chính xác tình hình nhập, xuất, tồn kho từng loại cả về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

Công ty là đơn vị kinh doanh được tính thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ nên hầu hết tất cả NVL Công ty mua đều được khấu trừ Thuế Giá trị gia tăng đầu vào.

- Tính giá nhập kho.

Trị giá thực tế vật liệu nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+ Chi phí thu mua	+	Thuế nhập khẩu (nếu có)	-	Các khoản giảm trừ	-	Hao hụt trong định mức
---	---	--------------------------------	----------------------	---	-------------------------------	---	--------------------------	---	------------------------------

- Tính giá xuất kho.

Giá xuất kho NVL phục vụ cho sản xuất của Công ty được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp bình quân gia quyền được áp dụng trên cơ sở bình quân hóa đơn giá thực tế của các lần nhập vật tư, hàng hóa (quyền số là số lượng vật tư hàng hóa). Việc tính toán được thực hiện một lần vào cuối kỳ (bình quân cố định).

$$\text{Trị giá thực tế vật liệu i xuất kho} = \text{Lượng thực tế vật liệu i xuất kho} \times \text{Giá đơn vị bình quân của vật liệu i}$$

- Với giá đơn vị bình quân cả kỳ (Bình quân gia quyền cả kỳ):

$$\text{Giá đơn vị bình quân Cả kỳ của hàng i} = \frac{\text{Giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng i nhập trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng i nhập trong kỳ}}$$

Kế toán NVL Công ty sử dụng – Tài khoản 152 – Nguyên liệu, vật liệu

2.2.3 Chứng từ sử dụng.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất của năm thông qua các đơn đặt hàng của khách hàng, phòng kỹ thuật xây dựng định mức tiêu hao nguyên nhiên liệu phòng kế hoạch tổng hợp sẽ lập Phiếu đề nghị mua vật tư để Giám đốc ký duyệt.

Trên cơ sở đó, Phòng kế hoạch tổng hợp sẽ gửi thông báo về việc mua vật tư cho các nhà cung cấp. Các nhà cung cấp sẽ gửi lại Báo giá vật tư đến cho Phòng kế hoạch tổng hợp của Công ty. Báo giá sẽ được Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp và Giám đốc duyệt. Sau đó, Phòng kế hoạch tổng hợp sẽ ký hợp đồng kinh tế về việc mua vật tư. Trong hợp đồng sẽ ghi rõ các điều khoản liên quan đến quy cách, chất lượng, số lượng, chủng loại của mỗi vật tư.

2.2.3.1 Chứng từ kế toán tăng nguyên vật liệu.

Thủ tục nhập kho: Khi nhận được hóa đơn của người bán vật tư chuyển tới, phòng kế toán phải kiểm tra đối chiếu với từng hợp đồng kinh tế hoặc kế hoạch thu mua để xem số lượng hàng nhận được có đúng như hợp đồng hay không. Trước

khi nhập kho, phòng kỹ thuật tiến hành kiểm tra chất lượng của nguyên, vật liệu xem có đáp ứng được yêu cầu hay không; kết quả của việc kiểm tra sẽ được ghi vào biên bản kiểm tra chất lượng hàng hóa. Nếu nguyên vật liệu đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong hợp đồng thì căn cứ vào hóa đơn và biên bản kiểm tra thì Phòng kế hoạch tổng hợp tiến hành lập Phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên, liên 1 lưu tại phòng kế hoạch tổng hợp, liên 2 kèm với hóa đơn chuyển cho kế toán thanh toán, ghi vào sổ chi tiết nguyên, vật liệu theo từng loại vật liệu, liên 3 giao cho Thủ kho ghi vào thẻ kho. Căn cứ vào phiếu nhập kho, thủ kho kiểm nhận nguyên, vật liệu rồi ghi số lượng thực nhập vào phiếu nhập kho rồi cùng người giao hàng ký nhận vào cả 3 bản phiếu nhập kho. Nguyên, vật liệu nhập kho được thủ kho sắp xếp một cách khoa học để thuận lợi cho việc bảo quản và cấp phát nguyên, vật liệu

- Ngày 14/11/2009 kí hợp đồng mua nguyên vật liệu của công ty TNHH PERSTIMA (Việt Nam) (biểu 2.2.3.1.1)..
- Ngày 8/12/2009, nguyên vật liệu được vận chuyển về công ty cùng hóa đơn GTGT số 001366 (biểu 2.2.3.1.2).
- Khi nhận được hóa đơn của người bán vật tư chuyển tới, phòng kế toán phải kiểm tra đối chiếu với từng hợp đồng kinh tế hoặc kế hoạch thu mua để xem số lượng hàng nhận được có đúng như hợp đồng hay không. Trước khi nhập kho, phòng kỹ thuật tiến hành kiểm tra chất lượng của nguyên, vật liệu xem có đáp ứng được yêu cầu hay không; kết quả của việc kiểm tra sẽ được ghi vào biên bản kiểm tra chất lượng hàng hóa (biểu 2.2.3.1.3). Nếu nguyên vật liệu đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong hợp đồng thì căn cứ vào hóa đơn và biên bản kiểm tra thì Phòng kế hoạch tổng hợp tiến hành lập Phiếu nhập kho (biểu 2.2.3.1.4).

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN THÉP

Số 85

Ngày 14 tháng 11 năm 2009

Bên bán: Công ty TNHH Perstima (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 15 đường 6 khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Thuận An, Bình Dương

Bên mua: Công ty Cổ phần Bao bì Bia Rượu Nước giải khát.

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Hai bên ký hợp đồng mua bán với những điều khoản sau:

Điều 1: Tên hàng, số lượng, đơn giá, thành tiền:

Tên hàng: Thép lá mạ crom

Số lượng: 26.871 tấn

Đơn giá: 1006 USD/ Tấn

Thuế giá trị GTGT: 10% * 50%

Điều 2: Quy cách, chất lượng:

Kích thước: 0.24x955x884

Độ cứng: 4

Bề mặt: M

Điều 3: Hàng được giao muộn nhất ngày 15/12/2009.

Điều 4: Thanh toán muộn nhất ngày 31/12/2009.

Đại diện bên bán

Đại diện bên mua

Biểu 2.2.3.1.1

**CÔNG TY TNHH PERSTIMA (VIỆT NAM)
PERSTIMA (VIET NAM) CO.,LTD**

No.15VSIP Street 6,Vietnam-Singapore Industrial Park, Thuan An District, Binh Duong Province

Tel : (84) 0650 3784 09 Fax : (84) 0650 3782 798 MST / Tax code : **3 7 0 0 4 4 4 5 3 5**

HÓA ĐƠN (GTGT)

Mẫu số 01

Ký hiệu / Series No: AA/2009N

Số HĐ / Invoice No: **001366**

Ngày / Date: 24/11/2009

INVOICE (VAT)

(Liên 2 : Giao khách hàng / Customer copy)

Khách hàng / The Client: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT

Địa chỉ / Address: 38 - Ngô Quyền - P. Máy Chai - Quận Ngô Quyền - TP Hải Phòng

Hình thức thanh toán / Method of payment: CK

Mã khách / Client code: 0 2 0 0 1 5 9 4 5 3

SỐ HĐ - Contract No	SỐ P/O - P/O No	Điều khoản TT - Credit Term	Ngày đáo hạn-Due Date
LPF0911001			

Electrolytic Tinplate Thép lá mạ cr Grade: Prime - TFS

Diễn giải Description					Số lượng Quantity		Đơn giá Unit price USD	Thành tiền Amount	
SỐ D/O D/O No	Kích thước Size	Độ cứng Tem	Bề mặt Fin	Độ phủ Coating	Kiện Pkg	Trọng lượng Wt (mt)			
DN - D09Y284	0.24x955 x884	4	M		19	26.871	1006	27,032.23	
Total: USD								27,032.23	
TG: 17,877.00 VND/USD VND								Cộng / Total	483,255,176
T.suất GTGT/VAT rate: 10% x 50%								Tiền thuế GTGT/VAT amount	24,162,759
VND									
Tổng cộng / Grand total VND								507,417,935	
Bằng chữ/In word Năm trăm linh bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng									

Tài khoản thanh toán được chuyển vào ngân hàng / Payment by bank transfer should be made to our account as follows:

Tên tài khoản/Account name: Persima(Vietnam) co.,Ltd Số tài khoản / Account number:7301-0768(VND) : 7301 - 0768 (USD) Ngân hàng / Bank name: Bank for investment And Development of Viet Nam,BĐuong Province	Tên tài khoản/Account name: Persima(Vietnam) co.,Ltd Số tài khoản / Account number: C13 00982 (VND) : C18 02389 (USD) Ngân hàng / Bank name: Maybank, Hanoi Branch
---	---

Biểu 2.2.3.1.2

CTY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT

ĐỊA CHỈ: Số 38 Ngô Quyền Hải Phòng

BIÊN BẢN NGHIỆM THU NGUYÊN VẬT LIỆU NHẬP KHO

Hải Phòng, ngày 8 tháng 12 năm 2009

Tại công ty Cổ phần Bao bì Bia Rượu Nước giải khát gồm có

1. Ông Trần Văn Hưng - Quản đốc phân xưởng sản xuất.
2. Ông Nguyễn Văn Thuận - Thủ kho nguyên vật liệu.
3. Ông Trịnh Ngọc Bảo - Trưởng phòng kỹ thuật.
4. Ông Bùi Đỗ giao – phòng kế hoạch.

Sau khi kiểm tra số lượng và chất lượng nguyên vật liệu nhập kho do công ty TNHH Perstima cung cấp.

Theo các chứng từ kèm theo sau:

- Hợp đồng mua bán số 85 ngày 14 tháng 11 năm 2009.
- Hóa đơn GTGT số 1366 AA/2009N.

Kết luận: Đủ số lượng, đạt tiêu chuẩn.

Phòng kế hoạch

Thủ kho

Phòng kỹ thuật

Quản đốc PX

Biểu 2.2.3.1.3

CTY CP BAO BÌ BIA RƯỢU NGK

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền - HP

Mẫu số: 01 - VT

Theo QĐ số : 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/3/2006 của BTC

PHIẾU NHẬP KHO Số: 12

Ngày 8 tháng 12 năm 2009

Nợ	Có

- Người giao hàng: Công ty TNHH Perstima (Việt Nam)
- Theo: Hóa đơn 1366 AA/2009N ngày 24 tháng 11 năm 2009
- Nhập tại kho: VL

STT	TÊN NHÃN HIỆU QUY CÁCH HÀNG HÓA	ĐVT	Số lượng	Giá mua	Thành tiền	Giá bán	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4
	Thép lá mạ crôm	Tấn	26.871	1006 USD	27 032,23 USD		
	Tỷ giá 1USD=17.877VND				483 255 176		
	Thuế: 10% x 50%				24 162 759		
	Tổng				507 417 935		

Thành tiền (Bằng chữ): Năm trăm linh bảy triệu bốn trăm mười bảy nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng.

Nhập ngày 8 tháng 12 năm 2009

Biểu 2.2.3.1.4

Ngày 16/12/2009 mua nguyên vật liệu Diesel 0,05% của Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương theo hóa đơn GTGT số 0092466 (biểu 2.2.3.1.5).

Sau khi nguyên vật liệu được chuyển đến kho của công ty thì phòng kỹ thuật tiến hành kiểm tra vật tư xem có đảm bảo yêu cầu hay không. Nếu đáp ứng được yêu cầu thì căn cứ vào hóa đơn thì Phòng kế hoạch tổng hợp tiến hành lập phiếu nhập kho (biểu 2.2.3.1.6) và phòng kế hoạch tổng hợp viết giấy đề nghị thanh toán (biểu 2.2.3.1.7), kế toán viết phiếu chi (biểu 2.2.3.1.8).

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

HÓA ĐƠN

NA/2009B

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

0092466

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 16 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương

Địa chỉ : KM 7 đường 5 – Hồng Bàng – Hải Phòng

MST : 0100107349-004

Số tài khoản: Điện thoại:

Họ và tên người mua hàng: Bùi Đỗ Giao

Tên đơn vị : Công ty cổ phần Bao bì Bia Rượu Nước giải khát

Địa chỉ : Số 38 Ngô Quyền – Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MST: 0200159453

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Diesel 0,05%	Lít	30	13.047,47	391.364
Cộng tiền hàng:					391.364
Thuế suất thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	39.136,4
Tổng cộng tiền thanh toán:					430.500,4
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng chẵn./.					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Biểu 2.2.3.1.5

CTY CP BAO BÌ BIA RƯỢU NGK

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền - HP

Mẫu số: 01 - VT

Theo QĐ số : 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/3/2006 của BTC

PHIẾU NHẬP KHO Số 37

Ngày 16 tháng 12 năm 2009

Nợ	Có

Người giao hàng: Công ty cổ phần bao bì Hùng Vương.

Theo: Hóa đơn 92466 NA/2009B ngày 16 tháng 12 năm 2009.

Nhập tại kho: VL

STT	TÊN NHÃN HIỆU QUY CÁCH HÀNG HÓA	ĐVT	Số lượng	Giá mua	Thành tiền	Giá bán	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4
	Dầu Diesel 0,05%	Lít	30	13.047,47	391.364		
	Thuế: 10%				39.136,4		
	Tổng				430.500,4		

Thành tiền (Bằng chữ): Bốn trăm ba mươi nghìn, năm trăm đồng./.

Nhập ngày 16 tháng 12 năm 2009

Biểu 2.2.3.1.6

CTY CP BAO BÌ BIA RƯỢU NGK

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền - HP

Mẫu số: 05 - TT

Theo QĐ số : 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/3/2006 của BTC

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 16 tháng 12 năm 2009.

Kính gửi: Ông giám đốc công ty.

Tên tôi là: Hà Thị Giang

Đại chỉ: Phòng kế hoạch tổng hợp

Nội dung thanh toán: Tiền mua dầu Diesel 0,05%

Số tiền: 430.500 đồng. Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi nghìn, năm trăm đồng./.

Kèm theo 1 chứng từ gốc.

Giám đốc công ty

Kế toán trưởng

Phụ trách bộ phận

Người đề nghị

Biểu 2.2.3.1.7

CTY CP BAO BÌ BIA RƯỢU NGK

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền - HP

Mẫu số: 02 - VT

Theo QĐ số : 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của BTC

Số: 513

Nợ 152: 391.364

Nợ 133: 39.136

Có 111: 430.500

PHIẾU CHI

Ngày 16 tháng 12 năm 2009

Họ và tên người nhận tiền: Hà Thị Giang.

Địa chỉ: Phòng kế hoạch tổng hợp

Lý do chi: Thanh toán tiền mua dầu Diesel 0.05% theo hóa đơn GTGT 92466 NA/2009B ngày 16 tháng 12 năm 2009.

Số tiền: 430.500 đồng

Viết bằng chữ: Bốn trăm ba mươi nghìn, năm trăm đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 16 tháng 12 năm 2009

Giám đốc Kế toán trưởng Thủ quỹ Người lập phiếu Người nhận tiền

Biểu 2.2.3.1.8

2.2.3.2 Chứng từ kế toán giám nguyên vật liệu.

Thủ tục xuất kho: Căn cứ vào tiến độ kế hoạch sản xuất trong tháng phòng kỹ thuật tiến hành viết đề nghị Phiếu lĩnh vật tư lên phòng kế hoạch tổng hợp, trong đó ghi rõ số lượng, đơn vị. Phòng kế hoạch tổng hợp sẽ căn cứ vào phiếu lĩnh vật tư tiến hành lập phiếu xuất kho NVL sau khi có đầy đủ chữ ký của người viết phiếu, trưởng phòng kế hoạch tổng hợp và Giám đốc theo đúng số lượng và chủng loại ghi trên phiếu lĩnh vật tư. Thủ kho sẽ căn cứ phiếu xuất kho tiến hành xuất kho NVL theo đúng số lượng và chủng loại. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên, liên 1 được lưu tại phòng kế hoạch tổng hợp, liên 2 chuyển cho kế toán ghi vào sổ chi tiết nguyên, vật liệu theo từng loại vật liệu, liên 3 giao cho thủ kho ghi vào thẻ kho.

Phòng kế hoạch tổng hợp sẽ căn cứ vào phiếu lĩnh vật tư tiến hành lập phiếu xuất kho NVL theo đúng số lượng và chủng loại ghi trên phiếu lĩnh vật tư.

- Căn cứ vào tiến độ kế hoạch sản xuất trong tháng, ngày 15/12/2009 phòng kỹ thuật tiến hành viết đề nghị Phiếu lĩnh vật tư (biểu 2.2.3.2.1) lên phòng kế hoạch tổng hợp

- Ngày 16/12/2009, xuất kho thép lá mạ crom và dầu diesel 0,05% để sản xuất sản phẩm theo phiếu xuất kho số 56 (biểu 2.2.3.2.2)

CTY CP BAO BÌ BIA RƯỢU NGK

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền – HP

PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT LIỆU

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Tên tôi là: Trần Văn Hưng

Địa chỉ: Phân xưởng sản xuất

Đề nghị cấp vật liệu sau:

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG ĐỀ NGHỊ
1	Thép lá mạ crom	Tấn	32.735
2	Diesel 0.05%	Lít	30

Biểu 2.2.3.2.1

CTY CP BAO BÌ BIA RƯỢU NGK

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền – HP

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16/12/2009

Số 56

- Họ, tên người nhận hàng: Trần Văn Hưng
- Đơn vị: Quản đốc phân xưởng sản xuất
- Lý do xuất kho: Phục vụ sản xuất tháng 12/2009

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư	Mã số	ĐV T	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo Ctử	Thực Xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép lá mạ crom		Tấn		32.735		
2	Dầu diesel 0,05%		Lít		30		
	Cộng						
	Tổng cộng						

- Xuất tại kho: VL
- Số tiền viết bằng số:
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Xuất, ngày 16 tháng 12 năm 2009

Biểu 2.2.3.2.2

2.2.4 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Công ty hiện đang áp dụng hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.

Định kỳ khi Công ty có nhu cầu về NVL hoặc mua nhập kho thì đều phải tập hợp chứng từ gốc để gửi về phòng kế toán. Kế toán vật tư trên cơ sở các chứng từ như: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho hay Hóa đơn GTGT tiến hành vào sổ chi tiết 152 cho từng loại vật tư. Từ các sổ chi tiết này kế toán lập nên Bảng kê tổng hợp Nhập- Xuất- Tồn cuối kỳ. Nguyên vật liệu của Công ty đòi hỏi công việc quản lý, theo dõi, bảo quản vật tư phục vụ sản xuất liên tục được bảo đảm đúng tiến độ. Vật tư của Công ty chủ yếu nhập qua kho. Công ty hiện đang áp dụng hạch toán NVL theo phương pháp thẻ song song.

Căn cứ vào các đơn đặt hàng của khách hàng, phòng kỹ thuật lập định mức tiêu hao NVL cho khối lượng sản phẩm dự kiến sản xuất theo đơn đặt hàng, phòng kế hoạch tổng hợp sẽ lập Phiếu đề nghị mua vật tư để Giám đốc ký duyệt. Trên cơ sở đó, Phòng kế hoạch tổng hợp sẽ gửi thông báo về việc mua vật tư cho các nhà cung cấp. Các nhà cung cấp sẽ gửi lại Báo giá vật tư đến cho phòng kế hoạch tổng hợp của Công ty. Báo giá sẽ được Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp và Giám đốc duyệt. Sau đó, phòng kế hoạch tổng hợp sẽ ký hợp đồng kinh tế về việc mua vật tư. Khi nhận được hóa đơn của người bán vật tư chuyên tới, phòng kế toán phải kiểm tra đối chiếu với từng hợp đồng kinh tế hoặc kế hoạch thu mua để xem số lượng hàng nhận được có đúng như hợp đồng hay không.

Trước khi nhập kho, phòng kỹ thuật tiến hành kiểm tra chất lượng của nguyên, vật liệu xem có đáp ứng được yêu cầu hay không; kết quả của việc kiểm tra sẽ được ghi vào biên bản kiểm tra chất lượng hàng hóa. Nếu nguyên vật liệu đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong hợp đồng thì căn cứ vào hóa đơn và biên bản kiểm tra thì phòng kế hoạch tổng hợp tiến hành lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên, liên 1 lưu tại phòng kế hoạch tổng hợp, liên 2 kèm với

hóa đơn chuyển cho kế toán thanh toán, ghi vào sổ chi tiết nguyên, vật liệu theo từng loại vật liệu, liên 3 giao cho thủ kho ghi vào thẻ kho.

Hàng ngày thủ kho tập hợp các phiếu nhập, xuất kho rồi đối chiếu với sổ thực nhập, thực xuất để tiến hành ghi vào thẻ kho. Cuối tháng Thủ kho tính ra số tồn kho của từng loại nguyên, vật liệu rồi đối chiếu sổ kế toán chi tiết theo dõi nguyên vật liệu. Thực tế tại công ty, Thủ kho thường xuyên tiến hành đối chiếu số tồn trên Thẻ kho và số tồn thực tế vì công tác kế toán đánh giá chi tiết nguyên, vật liệu tại kho đóng một vai trò quan trọng trong việc tính giá thành, định kỳ Phòng kế hoạch tổng hợp phải tập hợp chứng từ gốc để gửi về phòng kế toán.

Kế toán vật tư trên cơ sở các chứng từ như: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho hay Hóa đơn GTGT tiến hành vào Sổ chi tiết 152 cho từng loại vật tư và bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật tư.

- Từ hóa đơn GTGT số 1366 AA/2009N ,phiếu nhập kho số 12, phiếu xuất kho số 56 kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết 152 của Thép lá mạ crom (biểu 2.2.4.1) & thủ kho ghi vào thẻ kho của thép lá mạ crom (biểu 2.2.4.2)
- Từ hóa đơn GTGT số 92466 NA/2009B, phiếu nhập kho số 37, phiếu xuất kho số 56 kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết 152 của Diesel 0.05% (biểu 2.2.4.3) & thủ kho ghi vào thẻ kho của Diesel 0.05% (biểu 2.2.4.4) .
- Cuối tháng kế toán vào bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật tư (biểu 2.2.4.5).

CTY CP BAO BÌ BIA RƯỢU NGK

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền – HP

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2009

- Nguyên vật liệu: Thép lá mạ crom
- Đơn vị tính: Tấn

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Ngày	Số				Sl	TT	Sl	Thành tiền	Sl	Thành tiền
			Số dư đầu kỳ							31.867	574.188.580
31/12	8/12	PN 12	Mua NK	112	40.464,68	82.300	3.330.243.223				
31/12	16/12	PX 56	Xuất SX	621	34.199,30			32.735	1.119.514.086		
			Cộng			82.300	3.330.243.223	32.735	1.119.514.086		
			Số dư cuối kỳ							81.432	2.784.917.717

Biểu 2.2.4.1

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NGK

38 Đường Ngô Quyền - Hải Phòng

THẺ KHO

Lập thẻ tháng: 12/2009

Mã hàng: *Thép lá mạ crom*

Đơn vị tính: *Tấn*

Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	Số lượng			Kế toán xác nhận	
			Nhập	Xuất	Tồn	Giá trị tồn	Ký tên
01/12		Tồn đầu tháng			31.876		
08/12	PN12	Nhập lần 1	82.300				
16/12	PX56	Xuất lần 1		32.735			
		Cộng cuối tháng	82.300	32.735	81.432	2.784.917.717	

Biểu 2.2.4.2

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2009

- Nguyên vật liệu: Dầu Diesel 0,05%
- Đơn vị tính: Lít

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Ngày	Số				Sl	TT	Sl	TT	Sl	TT
			Số dư đầu kỳ							0	0
31/12	16/12	PN 37	Mua NK	111	13.045,47	30	391.364				
31/12	16/12	PX 56	Xuất SX	627	13.045,47			30	391.364		
			Cộng			30	391.364	30	391.364		
			Số dư cuối kỳ							0	0

BIỂU 2.2.4.3

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NGK

38 Đường Ngô Quyền - Hải Phòng

THẺ KHO

Lập thẻ tháng: 12/2009

Mã hàng: Diesel

Đơn vị tính: Lít

Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	Số lượng			Kế toán xác nhận	
			Nhập	Xuất	Tồn	Giá trị tồn	Ký tên
01/12		Tồn đầu tháng			0		
16/12	PN37	Nhập lần 1	30				
16/12	PX56	Xuất lần 1		30			
		Cộng cuối tháng	30	30	0	0	

Biểu 2.2.4.4

CTY CP BAO BÌ BIA RƯỢU NGK

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền - HP

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN VẬT TƯ

Tháng 12 năm 2009

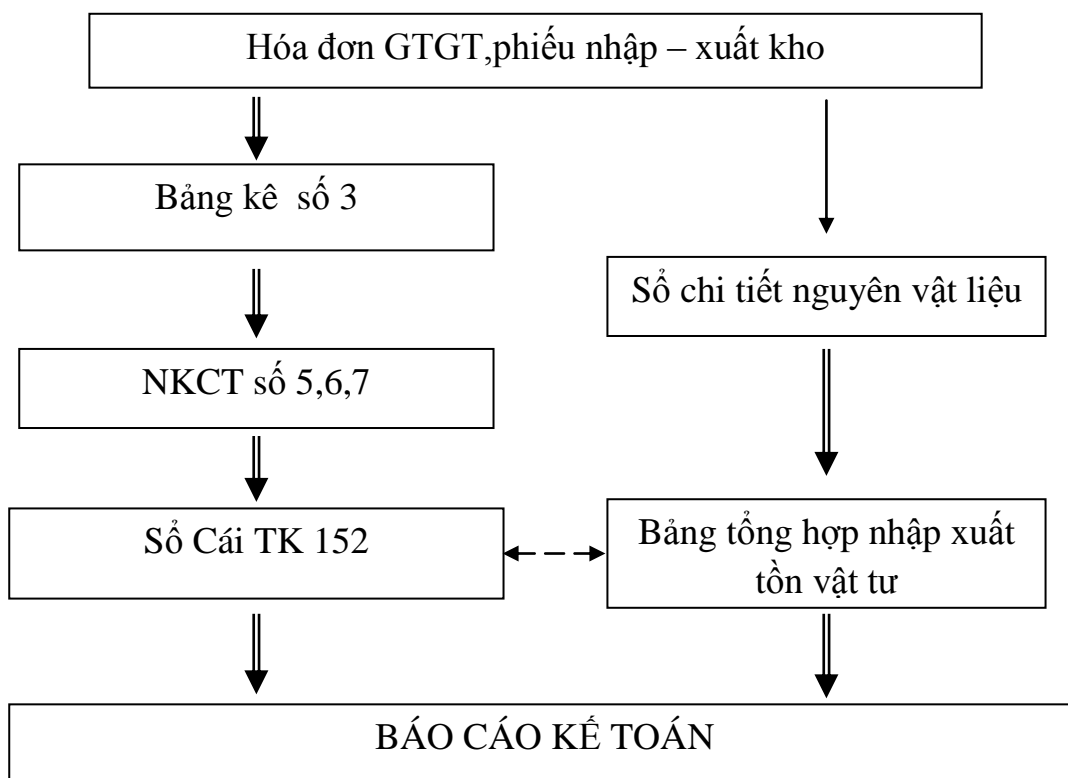
stt	Tên vật tư	Đơn vị	Tồn tháng 11		Nhập tháng 12		Xuất tháng 12		Tồn tháng 12	
			Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
...
11	Thép lá tấm hợp kim	Tấn	19,381	774,270,946			19,381	774,270,946	0	0
12	Thép lá mạ crôm	Tấn	31,867	574,188,580	82,300	3,330,243,223	32,735	1.119.514.086	81,432	2.784.917.717
13	Thiếc	Tờ	2	72,340					2	72,340
14	Diesel 0,05%	Lít	0	0	30	391.364	30	391.364	0	0
...
Tổng				2,756,412,375		6,149,153,315		4,402,702,554		4,502,863,146

Biểu 2.2.4.5

2.2.5 Kế toán tổng hợp tăng giảm nguyên vật liệu.

Cuối tháng kế toán vật tư tiến hành ghi sổ theo dõi nhập, xuất, tồn kho vật tư chi tiết theo giá bình quân gia quyền.

Quy trình hạch toán:



Hàng ngày căn cứ vào các hóa đơn GTGT, phiếu nhập, xuất, kế toán vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Cuối tháng, kế toán vào bảng kê số 3 & nhật ký chứng từ số 5,6,7.

Đồng thời, từ các NKCT, kế toán tiến hành ghi vào sổ cái TK, từ sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán vào bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật tư.

Cuối quý, tổng hợp số liệu từ NKCT , bảng kê , sổ cái TK để vào báo cáo tài chính.

Theo hóa đơn GTGT số 001366 AA/2009N và phiếu nhập kho số 12, kế toán tiền hành ghi sổ:

- Cuối tháng, căn cứ phiếu nhập kho, kế toán vào bảng kê số 3 (biểu 2.2.5.1), NKCT số 5(biểu 2.2.5.2).
- Đồng thời, cuối tháng, từ các NKCT, kế toán tiền hành ghi vào sổ cái TK 152 (biểu 2.2.5.3).
- Cuối quý, tổng hợp số liệu từ NKCT , bảng kê , sổ cái TK để vào báo cáo tài chính.

CTY CP BAO BÌ BIA RƯỢU NGK

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền - HP

BẢNG KÊ SỐ 3

Tính giá thành thực tế vật liệu và công cụ dụng cụ, hàng hóa

(TK 152, TK 153, TK 156)

Tháng 12 năm 2009

STT	CHỈ TIÊU	TK 152		TK 153		TK 156	
		HT	TT	HT	TT	HT	TT
1	I. Số dư trong tháng		2,756,412,375		247,199,878		276,073,396
2	II. Số phát sinh trong tháng		6,149,153,315		106,106,051		720,307,500
3	Từ BK số 6 (ghi Có TK 142)						
4	Từ NKCT số 1 (ghi Có TK 111)						
5	Từ NKCT số 2 (ghi Có TK 112)		54,761,905				
6	Từ NKCT số 5 (ghi Có TK 331)		6,094,391,410		106,106,051		720,307,500
7	Từ NKCT số 7, 10 (ghi Có TK 431)						
8	Từ NKCT khác (ghi Có TK 3331)						
9	III. Cộng I và II		8,905,565,690		353,305,929		996,380,896
10	IV. Hệ số chênh lệch						
11	V. Xuất dùng trong tháng		4,402,702,544		86,572,285		718,410,948
12	VI. Hàng tồn kho cuối tháng(III - V)		4,502,863,146		266,733,644		277,969,948

Biểu 2.2.5.1

CTY CP BAO BÌ BIA RƯỢU NGK

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền - HP

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5

Ghi có Tài khoản 331 - Phải trả cho người bán

Tháng 12 năm 2009

tên đơn vị (người bán)	số d□ đầu tháng		ghi có 331 , ghi nợ các TK			ghi nợ 331, ghi có các TK			Số d□ cuối tháng	
	nợ	có	152	...	Cộng có 331	...	311	Cộng nợ 331	nợ	có
Công ty In Bao bì Mỹ Châu		393,627,325	2,060,759,970		2,163,797,969		2,367,121,126	2,813,928,452	256,503,158	
Công ty Điện lực Hp		0			97,424,360			97,424,360	0	0
...										
Cty TNHH MTV TM Habeco	599,100				792,338,250			791,679,250		59,900
Công ty Côn R- ọu HN	28,240	0			0			0	28,240	0
Cty TNHH PERSTIMA	2,384,899,398		2,387,116,255		2,506,472,068		1,085,354,909	1,085,354,909	963,782,239	
...										
Cty TNHH H- ng D- ọng		15,785,000			0			0		15,785,000
Cty TNHH Kiến đạt			17,812,792		19,594,071			19,594,071	0	0
Cộng	2,385,526,738	2,746,049,215	6,094,391,410	...	7,437,424,374	...	4,997,498,578	6,980,569,827	1,220,313,637	2,037,690,661

Biểu 2.2.5.2

Địa chỉ: Số 38 Ngô Quyền - HP

SỔ CÁI TK 152

Năm 2009

Ghi có các TK đối ứng nợ với TK này	...	tháng 10	tháng 11	tháng 12	Cộng
111	...	1,520,000			42,520,088
112.1	...	46,939,394	13,619,048	54,761,905	438,988,315
112.2	...	4,063,627			55,810,076
142	...				0
331	...	4,263,444,968	2,026,096,391	6,094,391,410	43,638,611,364
3333	...				413,196,782
413.2	...				485,178,642
3331	...	2,475,000			2,475,000
Cộng PS					
Nợ	...	4,318,442,989	2,039,715,439	6,149,153,315	45,076,780,267
Có	...	5,101,530,981	4,197,274,837	4,402,702,544	46,072,017,337
Số d					
Nợ	5,697,059,765	4,913,971,773	2,756,412,375	4,502,863,146	4,502,863,146
Có					

Biểu 2.2.5.3

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT.

3.1 Đánh giá khái quát thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bao Bì Bia – Rượu – Nước giải khát.

Bộ máy kế toán của Công ty có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, hợp lý và phù hợp với khả năng, trình độ chuyên môn của từng nhân viên trong phòng. Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, đã nâng cao tính chủ động trong công việc, thực hiện tốt các nhiệm vụ của phòng Kế toán, tạo hiệu quả cao trong công tác kế toán, đồng thời cung cấp thông tin một cách chính xác, kịp thời cho Ban giám đốc để có các quyết định đúng đắn.

Kế toán Công ty sử dụng hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách, báo cáo tài chính theo đúng quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC, bên cạnh đó để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý của mình trong khâu tổ chức luân chuyển, lưu trữ chứng từ, sổ sách Công ty áp dụng đầy đủ, đúng theo quy định và chế độ kế toán hiện hành. Bên cạnh lưu giữ các chứng từ, Công ty còn tổ chức in sổ sách sao lưu trên máy vi tính theo từng tháng để bảo quản, lưu trữ.

Nhằm đưa hoạt động kế toán trở nên thuận lợi, đơn giản, hiệu quả và mang tính chuyên nghiệp hơn, Công ty đang tiến hành áp dụng chạy thử phần mềm kế toán Misa. Hình thức kế toán máy cho phép kế toán lưu trữ và truy nhập số liệu nhanh chóng và chính xác, mặt khác tiết kiệm được chi phí. Công ty luôn cập nhật những quy định mới nhất để hạch toán theo đúng chế độ hiện hành. Phòng kế toán tài chính luôn cập nhật và nắm bắt những điều chỉnh, thay đổi của chế độ kế toán, nhanh chóng tiếp thu và vận dụng những hướng dẫn về hạch toán kế toán đối với doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nói riêng.

3.1.1 Ưu điểm

3.1.1.1 Về công tác quản lý nguyên vật liệu.

Bộ máy kế toán của Công ty có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, hợp lý và phù hợp với khả năng, trình độ chuyên môn của từng nhân viên trong phòng. Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, đã nâng cao tính chủ động trong công việc, thực hiện tốt các nhiệm vụ của phòng Kế toán, tạo hiệu quả cao trong công tác kế toán, đồng thời cung cấp thông tin một cách chính xác, kịp thời cho Ban giám đốc để có các quyết định đúng đắn.

Kế toán Công ty sử dụng hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách, báo cáo tài chính theo đúng quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC, bên cạnh đó để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý của mình trong khâu tổ chức luân chuyển, lưu trữ chứng từ, sổ sách Công ty áp dụng đầy đủ, đúng theo quy định và chế độ kế toán hiện hành. Bên cạnh lưu giữ các chứng từ, Công ty còn tổ chức in sổ sách sao lưu trên máy vi tính theo từng tháng để bảo quản, lưu trữ.

Nhằm đưa hoạt động kế toán trở nên thuận lợi, đơn giản, hiệu quả và mang tính chuyên nghiệp hơn, Công ty đang tiến hành áp dụng chạy thử phần mềm kế toán Misa. Hình thức kế toán máy cho phép kế toán lưu trữ và truy nhập số liệu nhanh chóng và chính xác, mặt khác tiết kiệm được chi phí. Công ty luôn cập nhật những quy định mới nhất để hạch toán theo đúng chế độ hiện hành. Phòng kế toán tài chính luôn cập nhật và nắm bắt những điều chỉnh, thay đổi của chế độ kế toán, nhanh chóng tiếp thu và vận dụng những hướng dẫn về hạch toán kế toán đối với doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nói riêng.

3.1.1.2 Về công tác sử dụng nguyên vật liệu.

Căn cứ vào bảng dự toán kinh phí, Công ty đã tính toán lượng NVL cần thiết cho mỗi đơn đặt hàng. Khi sử dụng NVL phải có đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ, kế toán căn cứ vào số dự toán và nhu cầu sử dụng để hạch toán, thông thường nhu cầu sử dụng không được vượt quá số dự toán. Qua đó ta có thể thấy NVL sử dụng tại doanh nghiệp được quản lý chặt chẽ, nên ít khi xảy ra trường hợp sử dụng lãng phí không đúng mục đích. Vật liệu được đưa vào sử dụng đúng thời điểm không

làm ảnh hưởng tới chất lượng NVL. Phế liệu thu hồi được tổ chức bán lại nhằm tạo thu nhập cho Công ty, tránh lãng phí và hạ giá thành sản phẩm.

3.1.1.3 Về công tác lưu trữ, bảo quản:

Công ty luôn cố gắng tối thiểu hóa chi phí lưu kho, lưu bãi và bảo quản bằng cách đặt kho ở trụ sở chính. Hệ thống kho bãi của công ty được tổ chức rất khoa học, bảo quản NVL theo từng tính chất, công dụng của chúng. Hệ thống kho bãi rộng, thông thoáng, thuận tiện cho các nghiệp vụ nhập, xuất và kiểm kê khi cần. Ngoài ra, đội ngũ thủ kho có trình độ, kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo quản, các nghiệp vụ xuất vật tư được thực hiện theo đúng quy định, chính xác, khoa học. Với chính sách trên Công ty tránh được tình trạng hao hụt, mất mát, giảm giá NVL.

Công ty xây dựng cho mình một hạn mức dự trữ tối thiểu và tối đa hợp lý có thể duy trì sản xuất khi NVL trên thị trường khan hiếm nhằm đảm bảo giá thành sản phẩm luôn có sức cạnh tranh cao, mặt khác không gây lãng phí về vốn và tăng chi phí lưu trữ, bảo quản.

3.1.1.4 Về tính giá nguyên vật liệu.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền trong tính giá xuất NVL, phù hợp với tình hình của công ty khi số lượng NVL nhiều, các nghiệp vụ nhập, xuất kho diễn ra liên tục. NVL được quản lý, bảo quản, có thể dự trữ ngắn ngày hoặc được đưa vào sử dụng ngay sau khi mua. Hiện tại phương pháp này phù hợp trong khi tình hình thị trường giá cả đầy biến động, nó cho phép kế toán theo dõi tình hình biến động tăng, giảm NVL một cách thường xuyên, liên tục, hiệu quả.

Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song trong kế toán chi tiết NVL. Phương pháp này đơn giản trong khâu ghi chép, lại đảm bảo thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, thuận tiện. Đồng thời nó cung cấp số liệu một cách chính xác, đảm bảo kết hợp nhịp nhàng giữa phòng kế toán và thủ kho của các kho. Hệ thống chứng từ kế toán phù hợp với quy định hiện hành và đặc điểm kinh doanh của Công ty, dễ dàng trong việc đối chiếu, kiểm tra và lưu trữ.

Hệ thống chứng từ kế toán của Công ty được thực hiện một cách đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ Tài chính. Các chứng từ liên quan đến phân hành nguyên, vật liệu được lập và luân chuyển một cách hợp lý và chặt chẽ, đảm bảo được yếu tố pháp lý như: các chữ ký bắt buộc, họ tên người lập, số hiệu chứng từ, nội dung kinh tế rõ ràng. Các chứng từ được kiểm tra một cách cẩn thận trước khi ghi sổ kế toán. Việc luân chuyển chứng từ được thiết kế một cách khá phù hợp đảm bảo việc cung cấp thông tin cần thiết, đáp ứng được yêu cầu về quản lý nguyên, vật liệu. Các chứng từ kế toán sau khi sử dụng đều được lưu trữ và bảo quản cẩn thận để phục vụ cho công tác đối chiếu và kiểm tra về sau.

3.1.2 Nhược điểm

Về hệ thống chứng từ:

Do Công ty có nhiều loại nguyên, vật liệu, các nghiệp vụ nhập, xuất diễn ra nhiều nên việc luân chuyển các chứng từ về nguyên, vật liệu còn chậm. Không đảm bảo thời gian cho việc vào sổ kế toán.

Bên cạnh đó hình thức tổ chức kế toán của Công ty là tập trung. Vì vậy, nhiều khi các chứng từ chuyển về phòng kế toán không kịp ngày điều này có thể ảnh hưởng đến việc tập hợp chi phí tính giá thành, kê khai thuế chậm làm ảnh hưởng tới lợi nhuận của Công ty.

Và phương pháp thẻ song song dẫn tới việc ghi chép trùng lặp giữa kế toán và thủ kho. Quá trình giao nhận chứng từ nhập xuất giữa thủ kho, kế toán tại văn phòng chưa có phiếu giao nhận, vì thế việc kiểm soát chứng từ không được chi tiết, đầy đủ. Cuối tháng, kế toán phải kiểm tra lại các chứng từ, đối chiếu với thẻ kho do thủ kho gửi lên, gây khó khăn trong việc hạch toán và chông chát công việc.

Về hệ thống tài khoản:

Công ty cũng không sử dụng tài khoản 159- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trong thực tế, việc trích lập các khoản dự phòng là rất quan trọng, nó giúp cho đơn vị đánh giá được giá trị thực của tài sản hiện có. Là một Công ty lớn, số lượng NVL nhiều do đó mà không thể tránh khỏi hiện tượng giảm giá của giá trị thuần có

thể thực hiện được so với giá gốc của NVL. Do đó, việc lập quỹ dự phòng cho vật tư, hàng hóa là cần thiết nhằm bù đắp những thiệt hại thực tế có thể xảy ra.

Do sử dụng một khối lượng lớn về vật tư nên không thể tránh khỏi vật tư xuất ra nhưng không dùng hết. Một số vật tư thừa được nhập lại kho, còn một số thì sang tháng sau tiếp tục sử dụng tuy nhiên điều này khiến cho Công ty khó chủ động xuất NVL cho kỳ sau chính xác, đồng thời cũng rất dễ gây ra thất thoát NVL của Công ty do không được quản lý chặt chẽ đối với số vật tư này.

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bao Bì Bia – Rượu – Nước giải khát.

Về hệ thống chứng từ

Công ty nên tiến hành lập Sổ Danh điểm vật tư, thống nhất trong toàn Công ty, tạo điều kiện thuận lợi trong hạch toán và quản lý, đồng thời tránh nhầm lẫn

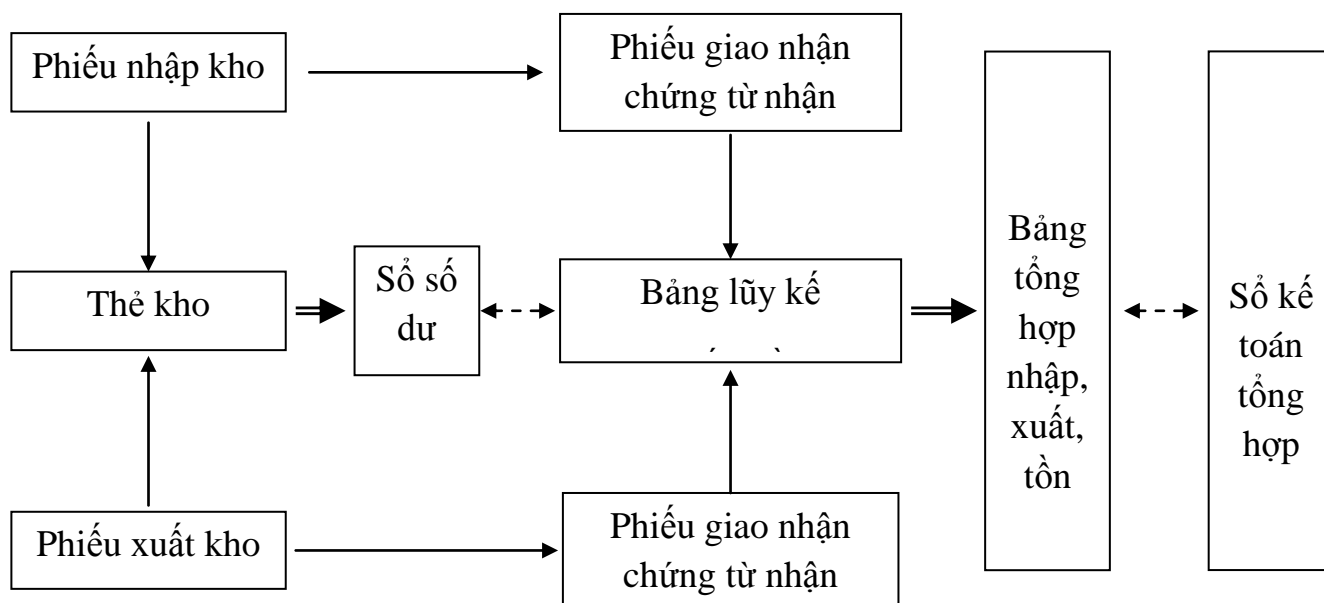
SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

TT	Mã số danh điểm	Danh điểm	Đơn vị tính
...
17	152.017	Thép lá mạ crom	Tấn
18	152.018	Diesel 0.05%	Lít
...

Sổ danh điểm vật tư sẽ xác định thống nhất tên gọi, ký hiệu của từng loại NVL. Sổ này được thường xuyên cập nhật khi có các loại NVL mới.

Công ty cần nhập phiếu giao nhận chứng từ giữa kế toán và thủ kho. Phiếu này nhằm theo dõi tình hình thu nhận chứng từ của kế toán tại trụ sở chính với thủ kho hay kế toán tại các công trình theo trình tự thời gian, tránh hiện tượng thiếu sót, mất mát, thất lạc chứng từ. Phiếu giao nhận chứng từ thường lập theo từng tháng và có mẫu như sau:

Quy trình kế toán chi tiết theo phương pháp này được khái quát như sau:



Phương pháp này đòi hỏi nhân viên kế toán và thủ kho có trình độ nghiệp vụ cao và việc kiểm tra, đối chiếu và phát hiện sai sót tương đối khó khăn, nhưng với trình độ chuyên môn cao và đồng đều của mỗi nhân viên trong phòng kế toán Công ty có thể áp dụng được phương pháp này. Bên cạnh ghi thẻ kho, thủ kho phải ghi lượng NVL tồn kho từ thẻ kho vào Sổ số dư. Sổ số dư do kế toán lập cho từng kho và theo dõi trong cả năm, giao cho thủ kho ghi. Cuối kỳ kế toán tiến hành tính tiền trên Sổ số dư và đối chiếu tồn kho từng Danh điểm NVL trên Sổ số dư với tồn kho trên Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn.

SỔ SỔ DƯ

Kho: vật liệu

Năm 2009

Số danh điểm	Tên vật liệu	Đơ n vị tính h	Số dư đầu năm			Tồn kho cuối tháng 11		Tồn kho cuối tháng 12	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
...
152.017	Thép lá mạ crom	Tấn	64.628	1.607.039.848	31.867	574.188.580	81.432	2.461.356.803
152.018	Diesel 0.05%	Lít	50	604.350	0	0	30	391.364
...

Về hệ thống tài khoản

* Khi mua NVL, vì một lý do nào đó mà Công ty đã nhận được hóa đơn của bên bán chuyển đến nhưng đến cuối tháng hàng vẫn chưa về nhập kho của Công ty:

Ngày 24/11/2009: Công ty đã nhận được hóa đơn GTGT AA/2009N 001366 của công ty TNHH Perstima gửi đến, kế toán của Công ty lưu chứng từ cho tới khi hàng về nhập kho rồi mới hạch toán và ghi sổ như sau

Nợ TK 152: 483.255.176

Nợ TK 133: 24.162.759

Có TK 331: 507.417.935

Việc hạch toán như vậy là không đúng với quy định của chế độ kế toán hiện hành, dẫn đến phản ánh không đúng hàng tồn kho cuối kỳ. Trong trường hợp này, Công ty nên sử dụng thêm TK 151- hàng mua đang đi trên đường. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại hàng hóa, vật tư Công ty đã mua, đã chấp nhận thanh toán nhưng đến cuối kỳ hàng vẫn chưa về nhập kho. Kết cấu của tài khoản 151- Hàng mua đang đi trên đường như sau:

Bên Nợ: Giá trị vật tư, hàng hóa đang đi đường

Bên Có: Giá trị vật tư, hàng hóa đang đi đường đã về nhập kho hoặc chuyển cho đối tượng sử dụng hay khách hàng

Dư Nợ: Giá trị vật tư, hàng hóa đang đi đường chưa về nhập kho.

Hạch toán nghiệp vụ hàng mua đang đi đường như sau:

Khi kế toán nhận được hóa đơn của bên bán mà cuối kỳ vẫn chưa nhận được hàng thì căn cứ vào hóa đơn và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi sổ như sau:

Nợ TK 151: 483.255.176

Nợ TK 133: 24.162.759

Có TK 331: 507.417.935

Sang tháng sau, ngày 8/12/2009 khi số hàng trên đã về nhập kho, căn cứ vào Phiếu nhập kho, kế toán ghi:

Nợ TK 152: 483.255.176

Có TK 15: 483.255.176

* Đối với những vật liệu thừa do không dùng hết ở tháng này mà chuyển thẳng sang tháng khác thì kế toán nên loại bỏ phần chi phí NVL này ra khỏi giá thành sản phẩm và tập hợp cho công trình khác. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 152: Trị giá NVL thừa nhập kho

Có TK 154: Chi phí kinh doanh dở dang

* Mặt khác, do NVL của Công ty nhiều, đa dạng nhưng giá cả NVL trên thị trường biến động, một mặt do những điều kiện khách quan tác động đến làm giá trị NVL giảm. Vì thế Công ty cần tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để giảm bớt rủi ro và có nguồn để bù đắp khi NVL bị giảm giá, mặt khác xác định giá trị thực tế của HTK trên hệ thống báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá HTK là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá (bao gồm cả HTK bị hư hỏng, kém phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển, sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang).

Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho = Số lượng hàng tồn kho tại thời điểm lập BCTC * (Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán – Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho).

Công ty chỉ lập dự phòng cho những NVL thuộc quyền sở hữu của mình, có chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lý chứng minh giá vốn của hàng tồn kho.

Hạch toán dự phòng giảm giá HTK sử dụng tài khoản 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tài khoản này có kết cấu như sau:

- Bên Nợ: Hoàn nhập số dự phòng giảm giá HTK
- Bên Có: Lập dự phòng giảm giá HTK
- Số dư Có: Dự phòng giảm giá HTK hiện có

Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào mức trích lập dự phòng giảm giá HTK ghi:

- Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá HTK)
- Có TK 159: Dự phòng giảm giá HTK

Nếu mức dự phòng năm sau cao hơn năm trước Công ty tiến hành trích lập thêm theo bút toán trên. Nếu thấp hơn thì số chênh lệch được hoàn nhập:

- Nợ TK 159: Mức hoàn nhập dự phòng
- Có TK 632: Giá vốn hàng bán

KẾT LUẬN

Để đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế và hội nhập kế toán đồng thời để cạnh tranh được với các doanh nghiệp nước ngoài như hiện nay, công tác tổ chức kế toán doanh nghiệp đang dần được hoàn thiện.

Công ty Cổ phần Bao bì Bia – Rượu – NGK là một trong những đơn vị hoạt động tương đối có hiệu quả và có uy tín cao trong lĩnh vực sản xuất. Ngoài một mô hình sản xuất kinh doanh hợp lý, phù hợp với đặc điểm của mình thì Công ty còn có một chính sách đúng đắn trong việc sử dụng có hiệu quả nguồn vật liệu, bên cạnh đó bộ máy kế toán của Công ty có đội ngũ nhân viên với trình độ chuyên môn, cẩn thận trong nghề nghiệp. Do chi phí NVL chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá thành sản phẩm nên khoản mục này luôn được phòng kế toán coi trọng và được ban Giám đốc Công ty quan tâm, để từ việc sử dụng NVL hiện tại Công ty đề ra các biện pháp nhằm sử dụng NVL có hiệu quả hơn, hướng tới mục tiêu giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho Công ty nhưng vẫn đảm bảo chất lượng cho sản phẩm.

Qua thời gian thực tập tại Công ty em đã thu nhập được những kiến thức bổ ích cũng như những nhận thức thực tế về công tác kế toán, nhất là phần hành kế toán nguyên vật liệu. Được thực tập tại Công ty là một cơ hội cho em nâng cao hiểu biết về công tác kế toán trong các doanh nghiệp, đồng thời kiểm nghiệm những kiến thức đã được thầy cô cung cấp trong quá trình học tập. Qua đây cho phép cháu gửi lời cảm ơn chân thành tới Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Bia – Rượu – NGK, đặc biệt là cô Liên – Kế toán trưởng của Công ty và Cô giáo hướng dẫn ThS Lương Khánh Chi đã hướng dẫn tận tâm, giúp đỡ để em hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp

Do thời gian và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên trong khóa luận tốt nghiệp của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự thông cảm cùng ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Sinh viên Nguyễn Hồng Ly

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU	3
1.1 Một số vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu.....	3
1.1.1 Khái niệm nguyên vật liệu.....	3
1.1.2 Phân loại nguyên vật liệu.	3
1.1.3 Tính giá nguyên vật liệu.	3
<i>1.1.3.1. Xác định giá trị nguyên vật liệu nhập kho.</i>	<i>4</i>
<i>1.1.3.2. Xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho.</i>	<i>4</i>
1.1.4 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu.	6
1.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	6
1.2.1 Phương pháp thẻ song song.	7
1.2.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.	8
1.2.3 Phương pháp sổ số dư.....	9
1.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	11
1.3.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	11
<i>1.3.1.1 Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>11</i>
<i>1.3.1.2 Phương pháp hạch toán.</i>	<i>12</i>
1.3.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	15
<i>1.3.2.1 Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>15</i>
<i>1.3.2.2 Phương pháp hạch toán.</i>	<i>16</i>
1.4 Tổ chức sổ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	18
CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT.	21
2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần Bao Bì Bia – Rượu – Nước giải khát.	21
2.1.1 Quá trình hình thành phát triển.....	21
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh.....	22
2.1.3 Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh.	24
2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....	29

2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán.....	31
2.1.6 Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản sử dụng.....	33
2.17 Tổ chức hệ thống sổ kế toán	33
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bao Bì Bia – Rượu – Nước giải khát.	33
2.2.1 Đặc điểm chung về nguyên vật liệu.	33
2.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu.	34
2.2.3 Chứng từ sử dụng.....	35
2.2.3.1 Chứng từ kế toán tăng nguyên vật liệu.	35
2.2.3.2 Chứng từ kế toán giảm nguyên vật liệu.	46
2.2.4 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.	49
2.2.5 Kế toán tổng hợp tăng giảm nguyên vật liệu.....	56
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT.	61
3.1 Đánh giá khái quát thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bao Bì Bia – Rượu – Nước giải khát.	61
3.1.1 Ưu điểm	62
3.1.1.1 Về công tác quản lý nguyên vật liệu.....	62
3.1.1.2 Về công tác sử dụng nguyên vật liệu.....	62
3.1.1.3 Về công tác lưu trữ, bảo quản:.....	63
3.1.1.4 Về tính giá nguyên vật liệu.	63
3.1.2 Nhược điểm	64
3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Bao Bì Bia – Rượu – Nước giải khát.....	65
KẾT LUẬN	70